



NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
The Vietnam Development Bank

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



Annual Report 2011

2011

Annual Report

MỤC LỤC

INDEX

03	GỚI THIỆU KHÁI QUÁT NH PTVN
06	BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO
12	BÁO CÁO KIỂM TOÁN
14	SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC
16	HỆ THỐNG CÁC SỞ GIAO DỊCH VÀ CHI NHÁNH NHPT
21	CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH
22	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
23	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
24	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
26	MỘT SỐ CHÚ THÍCH TÀI CHÍNH



OVERVIEW OF VIETNAM DEVELOPMENT BANK	37
BOARD OF MANAGEMENT	39
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	44
ORGANIZATION STRUCTURE	45
VIETNAM DEVELOPMENT BANK'S BRANCHES	47
FINANCIAL STATEMENT PRINCIPLES	52
BALANCE SHEET	53
INCOME STATEMENT	54
CASH FLOW STATEMENT	55
FINANCIAL NOTES	57

Ngân hàng Phát triển Việt Nam



Toàn cảnh Ngân hàng Phát triển Việt Nam

GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

I. KHÁI QUÁT VỀ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM:

1. Quá trình hình thành và phát triển của Ngân hàng Phát triển Việt Nam:

Ngày 19/05/2006, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg về việc thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam (NHPT) trên cơ sở tổ chức lại hệ thống Quỹ Hỗ trợ Phát triển để thực hiện chính sách tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước với thời gian hoạt động là 99 năm kể từ ngày Quyết định số 108/2006/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành. Cùng thời điểm đó, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Quyết định số 110/2006/QĐ-TTg ngày 19/05/2006 về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của NHPT. Tiếp đó, ngày 30/03/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với NHPT.

NHPT là một pháp nhân có vốn điều lệ 10.000 tỷ đồng, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, được Chính phủ đảm bảo khả năng thanh toán, không phải thực hiện dự trữ bắt buộc và tham gia bảo hiểm tiền gửi, được miễn nộp thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước.

Với phương châm hoạt động “**An toàn - Hiệu quả - Hội nhập quốc tế - Phát triển bền vững**”, qua 6 năm xây dựng và trưởng thành, NHPT đã đạt được một số thành công nhất định, góp phần vào quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ: 25A Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội
- Điện thoại: (04)37 365 659 (04)37 365 671
- Fax: (04) 37 365 672

2. Chức năng và nhiệm vụ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam:

Quyết định số 108/QĐ-TTg ngày 19/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc thành lập NHPT đã nêu các nhiệm vụ cụ thể của NHPT, bao gồm:

- Huy động, tiếp nhận vốn của các tổ chức trong và ngoài nước để thực hiện tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước;
- Thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước theo quy định;

- Nhận uỷ thác quản lý nguồn vốn ODA được Chính phủ cho vay lại; nhận uỷ thác, cấp phát cho vay đầu tư và thu hồi nợ của khách hàng từ các tổ chức trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận uỷ thác;

- Uỷ thác cho các tổ chức tài chính, tổ chức tín dụng thực hiện nghiệp vụ tín dụng của NHPT;

- Cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng và tham gia hệ thống thanh toán trong nước và quốc tế phục vụ các hoạt động của NHPT theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tín dụng đầu tư phát triển và tín dụng xuất khẩu.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, NHPT tiếp tục được Thủ tướng Chính phủ tin tưởng giao thêm một số nhiệm vụ sau:

- Bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn Ngân hàng thương mại theo Quyết định số 03/2011/QĐ-TTg ngày 10/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

- Cho vay để trả nợ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm theo Quyết định 87/2010/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Cho Doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế vay vốn trả nợ lương và thanh toán BHXH đối với người lao động mất việc làm theo Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- Bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, NHPT cũng thực hiện các nhiệm vụ khác được Thủ tướng Chính phủ giao như: quản lý cấp phát, thanh toán các dự án thành phần thuộc Dự án Thủy điện Sơn La, bao gồm: di dân tái định cư, xây dựng nhà máy, làm đường giao thông tránh ngập. Từ năm 2008, NHPT được Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện việc cho vay và đầu tư xây dựng Đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

3. Nguồn vốn hoạt động của NHPT:

Theo Nghị định số 75/2011/NĐ - CP ngày 30/08/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước:

- Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước:

- + Vốn điều lệ và các quỹ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

- + Vốn cho vay đầu tư phát triển và thực hiện các chương trình mục tiêu của Chính phủ và chính quyền địa phương;

- Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi:
 - + Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền giao để cho vay lại hoặc cho vay theo chương trình tín dụng có mục tiêu;
- Vốn huy động:
 - + Phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
 - + Phát hành trái phiếu, kỳ phiếu, giấy tờ có giá bằng đồng nội tệ của NHPT theo quy định của pháp luật;
 - + Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước;
 - + Vay Bảo hiểm Xã hội Việt nam;
 - + Vay Ngân hàng nhà nước (vay tái cấp vốn hoặc cầm cố, chiết khấu các giấy tờ có giá thông qua nghiệp vụ thị trường mở).
 - + Vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước khác.
- Vốn nhận ủy thác:
 - + Vốn nhận ủy thác của chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay các dự án đầu tư phát triển, các chương trình xuất khẩu hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan ủy thác.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Bối cảnh tình hình kinh tế thế giới, Việt Nam năm 2011 và hoạt động của NHPT:

1. Bối cảnh kinh tế toàn cầu và Việt Nam năm 2011 - Những tác động chủ yếu đến hoạt động của NHPT:

Ngược lại với những tín hiệu phục hồi lạc quan trong năm 2010, nền kinh tế thế giới bước vào năm 2011 với nhiều trắc trở, phát sinh ngay từ các quốc gia đầu tàu kinh tế, như xu hướng giảm phát của kinh tế Nhật Bản, việc chủ động điều chỉnh tốc độ tăng trưởng chậm lại của Trung Quốc, những khó khăn về nợ công tại Châu Âu, và đặc biệt là những tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng chính trị lan khắp Bắc Phi, Trung Đông và thảm họa thiên tai Nhật Bản (ước tính đã làm suy giảm ít nhất 0,5% tăng trưởng kinh tế toàn cầu). Một lần nữa, kinh tế thế giới lại đối mặt với khủng hoảng và những thách thức mới đến từ nỗi lo lạm phát, khủng hoảng lương thực, nợ công và biến động phức tạp của thị trường tài chính.

Năm 2011, tình hình kinh tế Việt Nam chịu tác động rất mạnh mẽ từ bối cảnh kinh tế thế giới đầy biến động. Mặc dù vậy với sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc, nền kinh tế nước ta đã ứng phó có kết quả với diễn biến phức tạp của tình hình, đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

- Tăng trưởng GDP năm 2011 đạt mức 5,89%:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2011 ước tính tăng 5,89% so với năm 2010 và tăng đều trong cả ba khu vực. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước năm nay tuy thấp hơn mức tăng 6,78% của năm 2010, nhưng trong điều kiện tình hình sản xuất rất khó khăn và cả nước tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thì mức tăng trưởng trên là khá cao và hợp lý. Quy mô nền kinh tế ước đạt 119 tỷ USD, với mức GDP bình quân đầu người đạt 1.300 USD/năm.

- Thu hút vốn ODA đạt 7,4 tỷ USD

Mặc dù kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn và Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình, nhưng các nhà tài trợ trên thế giới vẫn tiếp tục ủng hộ và tin tưởng vào hiệu quả sử dụng ODA tại Việt Nam. Năm 2011, giải ngân ODA của Việt Nam đạt 3,65 tỷ USD. Con số này chỉ chiếm chưa đầy một nửa số vốn 7,9 tỷ USD cam kết tại Hội nghị giữa kỳ các nhóm tư vấn và tài trợ cho Việt Nam năm 2010, nhưng đã tăng 10% so với mức giải ngân hơn 2,9 tỷ USD của năm 2010.

- Kim ngạch xuất khẩu đạt 96,3 tỷ USD

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2011 đạt con số kỷ lục là 202 tỷ USD, bằng 170% GDP. Trong đó, đáng chú ý tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 96,3 tỷ USD, vượt hơn 3 lần chỉ tiêu (10%) Quốc hội đề ra, tăng 33,3% so với năm 2010.

Tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 106 tỷ USD, tăng 25% so với năm 2010. Xuất khẩu tăng cao đã góp phần cải thiện đáng kể tình hình nhập siêu. Nhập siêu cả năm chỉ khoảng 9,5 tỷ USD, thấp hơn 20% so với năm 2010 và chỉ chiếm tỷ lệ 9,9% tổng kim ngạch xuất khẩu. Mức nhập siêu của năm 2011 là mức thấp nhất trong vòng 5 năm qua và là năm có tỷ lệ nhập siêu so với kim ngạch xuất khẩu thấp nhất kể từ năm 2002.

- Bội chi NSNN năm 2011 giảm xuống còn 4,9%

Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2011 ước tính đạt 674,5 nghìn tỷ đồng, bằng 113,4% dự toán năm và tăng 20,6% so với năm 2010 (Mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 11 của Chính phủ là tăng 7-8%). Tổng chi ngân sách Nhà nước năm 2011 ước tính 796 nghìn tỷ đồng. Tổng bội chi NSNN năm 2011 ước ở mức 4,9% GDP, thấp hơn so với ngưỡng 5,3% GDP được Quốc hội phê duyệt. Đây cũng là mức bội chi ngân sách thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây.

- Tăng trưởng tín dụng 12%

Với việc triển khai quyết liệt chính sách tiền tệ chặt chẽ và thận trọng từ đầu năm, qua đó đã kiểm soát được tăng trưởng tín dụng và tổng phương tiện thanh toán ở mức thấp. Cả năm 2011, tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 10% (mục tiêu đề ra 16%); tổng dư nợ tín dụng tăng 12% (mục tiêu 20%), trong đó VND tăng 10,2%; tín dụng ngoại tệ tăng 18,7%. Vốn tín dụng được ưu tiên cho sản xuất nông nghiệp, xuất khẩu và hỗ trợ cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Có thể thấy, những thành tựu đã đạt được như trên là nỗ lực, quyết tâm cao của cả nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công, nền kinh tế đất nước phát triển chưa thực sự bền vững và ổn định, thể hiện qua một số tồn tại như: kinh tế vĩ mô chưa vững chắc; lạm phát và lãi suất tín dụng còn cao; nợ xấu của hệ thống ngân hàng tăng, thanh khoản của một số ngân hàng thương mại khó khăn; dự trữ ngoại hối thấp, áp lực đối với tỉ giá còn lớn; thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản giảm sút; sản xuất, kinh doanh còn nhiều khó khăn; việc đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế còn chậm.

Bối cảnh nền kinh tế như trên đã tác động đến tình hình hoạt động của NHPT trên các phương diện sau:

Thứ nhất, tình hình kinh tế thế giới khó khăn khiến cho việc NHPT tiếp cận và huy động nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế bị hạn chế. Bên cạnh đó, khả năng xuất khẩu của các doanh nghiệp vay vốn TDXK tại NHPT bị ảnh hưởng do sức mua của thế giới giảm và sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp bản địa.

Thứ hai, lạm phát cao đã đẩy chi phí của nền kinh tế có xu hướng tăng cùng tỷ giá, khiến cho các dự án đầu tư đang trong quá trình triển khai gặp khó khăn về nguồn vốn do tổng mức đầu tư tăng, thậm chí ngừng sản xuất và giải thể. Theo thống kê, năm 2011, tỷ lệ doanh nghiệp đang ngừng sản xuất chiếm 5,3% và chờ giải thể chiếm 5,4% tổng số doanh nghiệp trong cả nước, trong đó không ngoại trừ các doanh nghiệp có vốn vay từ NHPT, ảnh hưởng đến nguồn hoàn trả nợ của NHPT.

Thứ ba, lãi suất huy động trên thị trường tăng cao tạo nên một cuộc chạy đua lãi suất giữa các ngân hàng. Cuộc chạy đua này, một mặt ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp do chi phí tài chính cao, mặt khác ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn của NHPT từ nguồn trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và các nguồn huy động khác do lãi suất huy động NHPT đưa ra thấp hơn.

Thứ tư, yêu cầu về khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế ngày càng cao gây áp lực cho NHPT trong việc cân đối nguồn vốn và sử dụng cũng như an toàn tín dụng, đảm bảo thanh khoản và quản trị rủi ro cho NHPT.

2. Tình hình triển khai nhiệm vụ năm 2011 của NHPT:

2.1. Huy động và tiếp nhận nguồn vốn:

Trong bối cảnh nền kinh tế 2011 lạm phát tăng cao, hoạt động huy động vốn của hệ thống ngân hàng gặp nhiều khó khăn dẫn đến các cuộc đua cạnh tranh lãi suất. Nhận biết được các khó khăn, ngay từ đầu năm 2011, NHPT đã đẩy mạnh công tác huy động vốn trong toàn hệ thống với cơ chế lãi suất linh hoạt, một mặt đảm bảo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước, mặt khác phù hợp với cơ chế thị trường nhằm ổn định nguồn vốn hoạt động của NHPT. Kết quả đạt được là tổng số vốn NHPT huy động, tiếp nhận trong năm 2011 là gần 49.500 tỷ đồng và trên 590 triệu Đô la Mỹ, trong đó bao gồm 34.975 tỷ đồng vốn phát hành thông qua trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

2.2. Tín dụng đầu tư:

Thực hiện Nghị quyết 11 của Chính phủ, trong năm 2011, NHPT đã rà soát cắt giảm kế hoạch vốn tín dụng đầu tư ngay từ đầu năm (giảm 2.500 tỷ đồng), tập trung giải ngân cho 255 dự án vay vốn tín dụng đầu tư đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành trong năm 2011, các dự án an sinh xã hội... Năm 2011, NHPT đã giải ngân cho các dự án TDĐT đạt 23.452 tỷ đồng (đạt 99,8% kế hoạch được Hội đồng quản lý phê duyệt là 23.500 tỷ đồng và khoảng 92% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đã điều chỉnh theo Nghị quyết số 11/2011/NQ-CP).

Cùng với việc cho vay các dự án tín dụng đầu tư, NHPT đã tiếp tục hỗ trợ thực hiện 02 chương trình của Chính phủ (kiên cố hóa kênh mương và tôn nền vượt lũ đồng bằng Sông Cửu Long) với số tiền giải ngân trong năm 2011 hơn 2.500 tỷ đồng.

Đối với dự án Đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, dự án trọng điểm của quốc gia, NHPT đã và đang tiếp tục đảm bảo vốn đầu tư theo tiến độ. Tính đến 31/12/2011, NHPT đã giải ngân cho dự án gần 4.500 tỷ đồng, 36,5 triệu USD và 55 tỷ KRW.

2.3. Tín dụng xuất khẩu:

Doanh số cho vay TDXK cả năm 2011 xấp xỉ đạt 20.000 tỷ đồng, dư nợ bình quân đạt 16.700 tỷ đồng, hoàn thành 98% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Khách hàng vay vốn là những doanh nghiệp xuất khẩu uy tín về các mặt hàng thủy sản, cà phê, điều, đồ gỗ, rau quả, chè... Hoạt động cho vay các dự án xuất khẩu được thực hiện theo hướng thận trọng, đảm bảo an toàn tín dụng thông qua các biện pháp bảo đảm tiền vay, rà soát, đánh giá chất lượng khách hàng, xây dựng giới hạn tín dụng đối với từng doanh nghiệp.

2.4. Vốn ODA và các Quỹ quay vòng:

Hiện tại, NHPT là cơ quan quản lý 60% vốn ODA tại Việt Nam với tổng số vốn quản lý theo hợp đồng tín dụng khoảng 10.000 tỷ USD. Trong đó, NHPT quản lý 388 dự án ODA cho vay lại theo ủy quyền của Bộ Tài chính với số vốn theo hợp đồng tín dụng là 9.634 triệu USD; và 09 chương trình mục tiêu với tổng số vốn cam kết theo Hiệp định tín dụng đã ký giữa Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ tương đương 278,5 triệu USD. Tổng số vốn giải ngân từ đầu năm đến 31/12/2011 là hơn 10.577 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch giải ngân năm 2011 (bao gồm số vốn ODA Bộ Tài chính ghi thu ghi chi và số giải ngân của các chương trình mục tiêu), dư nợ đạt 109.290 tỷ đồng.

Bên cạnh việc quản lý vốn ODA của các nước tài trợ cho Việt Nam, NHPT cũng quản lý, cho vay một số dự án ODA của Việt Nam ra nước ngoài. Trong năm 2011 đã hoàn thành công tác giải ngân cho Dự án Nâng cấp Quốc lộ 78 Campuchia với số vốn giải ngân gần 25 triệu USD, thực hiện giải ngân cho Dự án Xây dựng đường 2E Bắc Lào với số vốn gần 33 triệu USD.

2.5. Hỗ trợ sau đầu tư, quản lý vốn ủy thác và cho vay khác:

Trong năm 2011, NHPT tiếp tục quản lý và cấp hỗ trợ sau đầu tư cho gần 440 dự án với số tiền hỗ trợ theo hợp đồng hơn 2.400 tỷ, trong đó số cấp năm 2011 gần 100 tỷ đồng.

Cấp phát di dân tái định cư và dự án đường giao thông tránh ngập Dự án Thủy điện Sơn La: trong năm 2011, NHPT đã thực hiện cấp gần 2.500 tỷ đồng, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn, góp phần đẩy nhanh các hạng mục/dự án thành phần trong Tổ hợp Dự án Thủy điện Sơn La, góp phần tích cực vào tiến độ chung và thành công của Dự án Thủy điện có quy mô lớn nhất khu vực Đông Nam Á.

Cấp phát và cho vay đầu tư vốn ủy thác: Thực hiện các hợp đồng ủy thác với khách hàng, năm 2011, NHPT đã quản lý, cấp phát 582 tỷ đồng vốn ủy thác đầu tư phát triển; cho vay vốn đầu tư nhận ủy thác của các khách hàng với doanh số đạt gần 60 tỷ đồng, nâng tổng dư nợ vốn cho vay theo ủy thác lên gần 3.000 tỷ đồng vào thời điểm 31/12/2011.

Cho vay trả lương, nợ bảo hiểm: Thực hiện theo Quyết định số 87/2010/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho doanh nghiệp, người lao động theo Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam và Tổng công ty hàng hải Việt Nam vay để chi trả tiền lương, nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm, tạo việc làm, học nghề; và Quyết định số 30/2009/QĐ/TTg ngày 23/02/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ đối với người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế. Đến 31/12/2011, NHPT đã cho vay 49 doanh nghiệp với tổng dư nợ đạt trên 200 tỷ đồng, góp phần đảm bảo chính sách với người lao động, đảm bảo an sinh xã hội theo chủ trương của Chính phủ.

2.6. Bảo lãnh doanh nghiệp vay vốn tại các Ngân hàng thương mại:

Trong năm 2011, NHPT tiếp tục thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn NHTM. Đến nay, 211 chứng thư còn hiệu lực với giá trị vốn vay cam kết bảo lãnh là 2.766 tỷ đồng, dư nợ vay là 1.944 tỷ đồng. Hoạt động bảo lãnh doanh nghiệp vay vốn tại các Ngân hàng thương mại của NHPT đã góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận được với nguồn vốn của các Ngân hàng thương mại để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.7. Hợp tác quốc tế:

Hoạt động hợp tác quốc tế đã hỗ trợ rất nhiều trong công tác huy động vốn nước ngoài nhằm giảm sức ép về vốn trong hệ thống, đáp ứng nhu cầu về vốn cho các dự án trọng điểm của ngành (Dự án xây dựng đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Chương trình Phong điện, Dự án Bệnh viện cao cấp Bình An tại Hà Nam, Chương trình phát triển công nghiệp phụ trợ và tín dụng xuất khẩu với Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản (JBIC)).

Bên cạnh đó, NHPT đã quảng bá hình ảnh, củng cố, mở rộng mạng lưới các đối tác thông qua việc tham gia vào một số chương trình hội thảo, tập huấn của các tổ chức tài chính phát triển; các chương trình khảo sát ra nước ngoài; các buổi gặp gỡ làm việc với đối tác để tìm kiếm cơ hội hợp tác.

2.8. Pháp chế:

Các đơn vị đã có phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện hỗ trợ pháp lý về các vấn đề liên quan đến bảo đảm tiền vay, đề nghị phá sản, khởi kiện, xử lý tài sản bảo đảm, chuyển đổi chủ đầu tư... Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản; phổ biến giáo dục pháp luật, kiểm tra thực hiện pháp luật trong toàn hệ thống được thực hiện theo đúng quy định.

2.9. Công tác thanh toán:

Tổ chức bộ máy cho công tác thanh toán từ Hội sở chính đến chi nhánh ngày càng hoàn thiện theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa, đảm bảo vận hành hệ thống thanh toán thông suốt. Thực hiện ổn định, an toàn, chính xác theo đúng các quy định của NHPT, không có trường hợp chuyển tiền thừa, thiếu hoặc mất tiền. Hiệu quả công tác thanh toán tiếp tục được đảm bảo, thể hiện ở 2 yếu tố: Tốc độ thanh toán thực hiện nhanh hơn; Chi phí thanh toán thực hiện tiết kiệm, hợp lý.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 CỦA NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

***Kính gửi:* HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam gồm: Bảng cân đối kế toán năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 30 tháng 6 năm 2012.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban điều hành Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Phạm vi kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2010 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam đã được kiểm toán bởi cơ quan Kiểm toán Nhà nước. Việc điều chỉnh số liệu theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước được thực hiện trong năm 2011 nhưng không điều chỉnh số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán và số liệu năm trước trên Báo cáo kết quả hoạt động năm 2011.

Theo chỉ định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, chúng tôi chỉ thực hiện kiểm toán Hội sở chính (gồm Văn phòng Hội sở chính và phòng kế toán Hội sở chính) và 29 trong số 63 đơn vị trực thuộc của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Ý kiến của Kiểm toán viên dựa vào kết quả kiểm toán của các đơn vị được kiểm toán không bao gồm ảnh hưởng của những sai sót (nếu có) của các đơn vị chưa được kiểm toán tới Báo cáo tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Hạn chế của cuộc kiểm toán

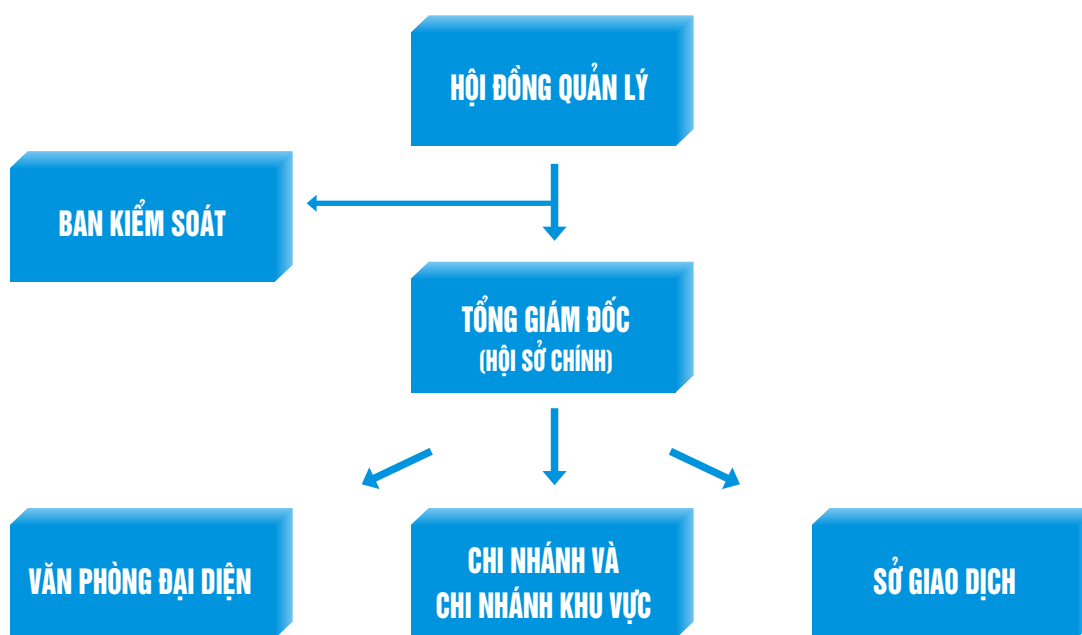
Số dư các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa Hội sở chính và các đơn vị trực thuộc chưa được loại trừ hoàn toàn do còn có sự chênh lệch. Các khoản chênh lệch này được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán như các khoản công nợ phải thu, phải trả các đối tượng bên ngoài.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của phạm vi kiểm toán và những vấn đề hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm 2011 phù hợp với mẫu biểu Báo cáo tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam ban hành kèm theo Công văn số 15682 BTC-CDKT ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận Danh mục tài khoản kế toán và biểu mẫu Báo cáo tài chính của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHÂN SỰ MÔ HÌNH TỔ CHỨC VDB

- NHPT được tổ chức theo mô hình tổ chức tập trung thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Cơ cấu tổ chức của NHPT bao gồm ba bộ phận chủ chốt: Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Bộ máy điều hành (xem Hình 1). Cụ thể như sau:



a) Hội đồng quản lý: Hội đồng quản lý: gồm 07 thành viên, trong đó có 04 thành viên chuyên trách là Chủ tịch (nghỉ hưu từ 01/07/2011), Tổng Giám đốc, ủy viên chuyên trách HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát và 03 thành viên bán chuyên trách là các Thứ trưởng của các Bộ: Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Phó Thống đốc Ngân hàng nhà nước (Từ tháng 7/2011, Thứ trưởng Bộ Tài chính - ủy viên HĐQT được Thủ tướng Chính phủ giao tạm thời phụ trách điều hành hoạt động của HĐQT).

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ NHPT HIỆN NAY BAO GỒM:

Ông Trần Xuân Hà	Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên phụ trách HĐQT
Ông Nguyễn Quang Dũng	Tổng giám đốc NHPT, Ủy viên
Ông Đào Ngọc Thắng	Ủy viên chuyên trách
Ông Đồng Quang Đại	Trưởng Ban Kiểm soát, Ủy viên
Ông Đặng Thanh Bình	Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy viên
Ông Cao Việt Sinh	Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên

a) Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát có tối đa 07 thành viên chuyên trách, là các chuyên gia am hiểu về lĩnh vực tài chính, tín dụng, đầu tư..., hiểu biết về pháp luật. Trưởng Ban Kiểm soát do Hội đồng quản lý quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng quản lý bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

b) Bộ máy điều hành: Điều hành hoạt động NHPT là Tổng Giám đốc, tham mưu giúp việc Tổng Giám đốc và các Ban Lãnh đạo NHPT là các Ban, Trung tâm, văn phòng thuộc Hội sở chính. Tổng Giám đốc là đại diện pháp nhân của NHPT, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Thủ tướng Chính phủ và pháp luật về việc điều hành hoạt động của NHPT theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định trong Điều lệ. NHPT có HSC đặt tại Hà Nội, 02 Sở giao dịch tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, 05 Chi nhánh khu vực và 49 Chi nhánh tại các tỉnh thành trong cả nước, 01 văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh, chưa có văn phòng đại diện tại nước ngoài. Tổng số cán bộ khoảng gần 3.000 người.

Ông Nguyễn Quang Dũng	Tổng giám đốc
Bà Đào Dung Anh	Phó Tổng giám đốc
Ông Đào Văn Chiến	Phó Tổng giám đốc (Kiêm nhiệm TGD VIDIFI)
Ông Nguyễn Chí Trang	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Đức Hòa	Phó Tổng giám đốc (Kiêm nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị VIDIFI)
Ông Trần Bá Huấn	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Phú Minh	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm tháng 2/2011)
Ông Đào Quang Trường	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm tháng 2/2011)

HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

1	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT AN GIANG
	Địa chỉ: 83 Nguyễn Huệ - Phường Mỹ Long - Thành phố Long Xuyên - Tỉnh An Giang
	Điện thoại: 0763 846220 Fax: 0763 846223
2	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BÀ RỊA - VŨNG TÀU
	Địa chỉ: 211 Lê Hồng Phong - Phường 8 - Thành phố Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
	Điện thoại: 064 3857091 Fax: 064 3854676
3	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KHU VỰC BẮC KẠN - THÁI NGUYÊN
	Địa chỉ: 16 Đường Nha Trang - Phường Trung Vương - Thành phố Thái Nguyên - Tỉnh Thái Nguyên
	Điện thoại: 0280 3657368 - 0280 3657968 Fax: 0280 3852866
	Phòng giao dịch Bắc Kạn: 02 Đường Hùng Vương - Tổ 4 - Phường Đức Xuân Thị xã Bắc Kạn - Tỉnh Bắc Kạn
	Điện thoại: 0281 3870008 - 0281 3870210 Fax: 0281 3870628
4	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KHU VỰC BẮC NINH - BẮC GIANG
	1. Văn phòng Chi nhánh: Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Lưu - Thành phố Bắc Giang - Tỉnh Bắc Giang
	Điện thoại: 0240 3856211 Fax: 0240 3857011
	2. Phòng Giao dịch Bắc Ninh: Địa chỉ: 02 Nguyễn Đăng Đạo - Phường Tiên An Thành phố Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh
	Điện thoại: 0241 3822024 Fax: 0241 3822625
5	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BẾN TRE
	Địa chỉ: 172 Hùng Vương - Phường 3 - Thành Phố Bến Tre - Tỉnh Bến Tre
	Điện thoại: 075 3826056 Fax: 075 3803358
6	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BÌNH DƯƠNG
	Địa chỉ: 189 Đại lộ Bình Dương - Phường Phú Thọ - Thị xã Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương
	Điện thoại: 0650 3823946 Fax: 0650 3823695
7	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BÌNH ĐỊNH
	Địa chỉ: 06 đường Lê Duẩn - Thành phố Quy Nhơn - Tỉnh Bình Định
	Điện thoại: 056 3520719 Fax: 056 3520709
8	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BÌNH PHƯỚC
	Địa chỉ: Đường Nguyễn Văn Linh - Phường Tân Phú - Thị xã Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước
	Điện thoại: 0651 3870206 Fax: 0651 3879460
9	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT BÌNH THUẬN
	Địa chỉ: 12 Nguyễn Tất Thành - Phường Bình Hưng - Thành phố Phan Thiết - Tỉnh Bình Thuận
	Điện thoại: 062 3824 719 Fax: 062 3833451
10	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT CAO BẰNG
	Địa chỉ: 32 Phố Xuân Trường - Phường Hợp Giang - Thị xã Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng
	Điện thoại: 026 3853673 Fax: 026 3853069

11	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KHU VỰC CẦN THƠ - HẬU GIANG
	Địa chỉ: 01 Hai Bà Trưng - Quận Ninh Kiều - Thành phố Cần Thơ
	Điện thoại: 0710 3821769 Fax: 0710 3821778
	Phòng Giao dịch Hậu Giang: 75 Ngô Quốc Trị - P.5 - Thị xã Vị Thanh - Tỉnh Hậu Giang
	Điện thoại: 0711 3870135 Fax: 0711 3870136
12	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT ĐÀ NẴNG
	Địa chỉ: 74 - Quang Trung - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
	Điện thoại: 0511 3834265 Fax: 0511 3830577
13	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KHU VỰC ĐĂKLĂK - ĐĂKNÔNG
	1.Văn phòng Chi nhánh: 15 Đường Trường Chinh - TP Buôn Ma Thuột - Tỉnh ĐăkLăk
	Điện thoại: 0500 3956365 Fax: 0500 3955675
	2.Phòng giao dịch Đăk Nông: Phan Đăng Lưu - Phường Nghĩa Trung - Thị xã Gia Nghĩa Tỉnh Đăk Nông
	Điện thoại: 0501 3549204 Fax: 0501 3549202
14	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT ĐIỆN BIÊN
	Địa chỉ: 908 - Đường 7/5 Phường Mường Thanh Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên
	Điện thoại: 0230 3827385 Fax: 0230 3825801
15	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT ĐỒNG NAI
	Địa chỉ: Đường Nguyễn ái Quốc - Phường Quang Vinh - Thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai
	Điện thoại: 061 3828558 Fax: 061 3826288
16	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT ĐỒNG THÁP
	Địa chỉ: 48 Nguyễn Quang Diệu - Phường 1- Thành phố Cao Lãnh - Tỉnh Đồng Tháp
	Điện thoại: 067 3852472 Fax: 067 3852477
17	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT GIA LAI
	Địa chỉ: 02A Hoàng Hoa Thám - Thành phố Pleiku - Tỉnh Gialai
	Điện thoại: 059 3821390 Fax : 059 3822505
18	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT HÀ NAM
	Địa chỉ: 03 Đường Trần Phú - Phường Quang Trung - Thành phố Phủ Lý - Tỉnh Hà Nam
	Điện thoại: 0351 3852095 Fax: 0351 3854130
19	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT HÀ GIANG
	Địa chỉ: 10 Đường Bạch Đằng - Phường Nguyễn Trãi - Thị xã Hà Giang - Tỉnh Hà Giang
	Điện thoại: 0219 3866958 Fax: 0219 3866958
20	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT HÀ TĨNH
	Địa chỉ: 01 Đường Đặng Dung - Thành phố Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh
	Điện thoại: 039 3857273 Fax: 039 3856575
21	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT HẢI DƯƠNG
	Địa chỉ: 7 Đường Hồng Quang - Phường Nguyễn Trãi - Thành phố Hải Dương - Tỉnh Hải Dương
	Điện thoại: 0320 3856114 Fax: 0320 3857771

22	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT HẢI PHÒNG
	Địa chỉ: 47A Lương Khánh Thiện - Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng
	Điện thoại: 031 3921710 Fax: 031 3921201
23	VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI TP.HỒ CHÍ MINH
	Địa chỉ: Tầng 3 Số 229 Đồng Khởi - Phường Bến Nghé - Quận I - Thành phố Hồ Chí Minh
	Điện thoại: 083 8279 954 Fax: 083 8279952
24	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT HUNG YÊN
	Địa chỉ: 07 Chu Mạnh Trinh - Phường Hiến Nam - Thành phố Hưng Yên - Tỉnh Hưng Yên
	Điện thoại: 0321 3551089 Fax: 0321 3862798
25	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KHÁNH HÒA
	Địa chỉ: 65 Yersin - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa
	Điện thoại: 058 3825091 Fax: 058 3825435
26	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KIÊN GIANG
	Địa chỉ: 321 Đường 3 tháng 2 - Phường Vĩnh Lạc - Thành Phố Rạch Giá - Tỉnh Kiên Giang
	Điện thoại: 077 3863637 Fax: 077 3868165
27	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KON TUM
	Địa chỉ: 84B - Phan Chu Trinh - Thành phố Kon Tum - Tỉnh Kon Tum
	Điện thoại: 060 3862906 Fax: 060 3863890
28	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT LAI CHÂU
	Địa chỉ: Phường Quyết Thắng - Thị xã Lai Châu - Tỉnh Lai Châu
	Điện thoại: 0231 3875408 Fax: 0231 3876769
29	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT LÂM ĐỒNG
	Địa chỉ: 2A Lê Hồng Phong - Phường 4 - Thành phố Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng
	Điện thoại: 063 3825356 Fax: 063 3825983
30	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT LẠNG SƠN
	Địa chỉ: 53 Đường Lê Lợi - Phường Vĩnh Trại - Thành phố Lạng Sơn - Tỉnh Lạng Sơn
	Điện thoại: 025 3872196 Fax: 025 3873010
31	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT LÀO CAI
	Địa chỉ: Đường 1/5 - Phường Nam Cường - Thành phố Lào Cai - Tỉnh Lào Cai
	Điện thoại: 020 3825161 Fax: 020 3820576
32	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT LONG AN
	Địa chỉ: 06 Đường Phan Bội Châu - Phường I - Thành Phố Tân An - Tỉnh Long An
	Điện thoại: 072 3824406 Fax: 072 3822133 - 072 3553508
33	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT KHU VỰC MINH HẢI
	1. Văn phòng Chi nhánh: 07 - Đường An Dương Vương - Phường 7 - Thành phố Cà Mau - tỉnh Cà Mau
	Điện thoại: 0780 3836018 Fax: 0780 3836016
	2. Phòng giao dịch Bạc Liêu: 175 Đường Trần Quỳnh - Phường 1 - Thành phố Bạc Liêu - tỉnh Bạc Liêu
	Điện thoại: 0781 3820328 Fax: 0781 3823960

34	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT NAM ĐỊNH
	Địa chỉ: 151 Đường Bắc Ninh - Phường Nguyễn Du - Thành phố Nam Định - Tỉnh Nam Định
	Điện thoại: 0350 3846862 Fax: 0350 3844033
35	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT NGHỆ AN
	Địa chỉ: 45 Đường Duy Tân - Phường Hưng Phúc - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An
	Điện thoại: 038 3840668 Fax: 038 3846228
36	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT NINH BÌNH
	Địa chỉ: 05 - Lê Hồng Phong - Vân Giang - Thành phố Ninh Bình - Tỉnh Ninh Bình
	Điện thoại: 030 3872 624 Fax: 030 3873 066
37	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT NINH THUẬN
	Địa chỉ: 28 đường 16 tháng 4 - Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm - Tỉnh Ninh Thuận
	Điện thoại: 068 3824540 Fax: 068 3824569
38	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT PHÚ THỌ
	Địa chỉ: 1500 - Hùng Vương - Phường Gia Cẩm - Thành phố Việt Trì - Tỉnh Phú Thọ.
	Điện thoại: 0210 3845227 Fax: 0210 3848700
39	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT PHÚ YÊN
	Địa chỉ: 337 Lê Duẩn - Phường 7 - Thành phố Tuy Hòa - Tỉnh Phú Yên
	Điện thoại: 057 3842454 Fax: 057 3841056
40	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT QUẢNG BÌNH
	Địa chỉ: 02 Trần Hưng Đạo - Thành phố Đồng Hới - Tỉnh Quảng Bình
	Điện thoại: 052 3822003 Fax: 052 3822338
41	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT QUẢNG NAM
	Địa chỉ: 13 Trần Hưng Đạo - Thành phố Tam Kỳ - Tỉnh Quảng Nam
	Điện thoại: 0510 3852926 Fax: 0510 3852296
42	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT QUẢNG NGÃI
	Địa chỉ: 29 Hai Bà Trưng - Thành phố Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi
	Điện thoại: 055 3828528 Fax: 055 3820533
43	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT QUẢNG NINH
	Địa chỉ: 03 đường Đông Hồ - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh
	Điện thoại: 033 3828050 Fax: 033 3828174
44	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT QUẢNG TRỊ
	Địa chỉ: 184 Đường Trần Hưng Đạo - Thành Phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị
	Điện thoại: 053 3851857 - 053 3854707 Fax: 053 3851085
45	TÊN ĐƠN VỊ: SỞ GIAO DỊCH I
	1. Văn phòng Chi nhánh: 104 Trần Hưng Đạo - Phường Cửa Nam - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
	Điện thoại: 04 39427908 Fax: 04 39427900
	2. Phòng giao dịch Vĩnh Phúc: 10 đường Kim Ngọc - Thành phố Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc
	Điện thoại: 0211 3860 591 Fax: 0211 3861 163

	3. Phòng giao dịch Hòa Bình: Phường Đồng Tiến - Thành phố Hòa Bình - Tỉnh Hòa Bình
	Điện thoại: 0218 3856 600 Fax: 0218 3856 604
46	TÊN ĐƠN VỊ: SỞ GIAO DỊCH II
	Địa chỉ: 229 Đồng khởi - Phường Bến Nghé - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh
	Điện thoại: 083 8250063 Fax: 083 8245811
47	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT SÓC TRĂNG
	Địa chỉ: 16 Trần Hưng Đạo - Phường 2 - Thành phố Sóc Trăng - Tỉnh Sóc Trăng
	Điện thoại: 079 3822618 Fax: 079 3820778
48	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT SƠN LA
	Địa chỉ: 56B - Đường Lò Văn Giá - Thành Phố Sơn La - Tỉnh Sơn La
	Điện thoại: 022 3852 861 Fax: 022 3853 060
49	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT TÂY NINH
	Địa chỉ: 385 Đường 30/4 - Phường I - Thị Xã Tây Ninh - Tỉnh Tây Ninh
	Điện thoại: 066 3810851 Fax: 066 3827088
50	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT THÁI BÌNH
	Địa chỉ: 5 Phố Lê Lợi - Phường Lê Hồng Phong - Thành phố Thái Bình - Tỉnh Thái Bình
	Điện thoại: 036 3734426 Fax: 036 3734840
51	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT THANH HOÁ
	Địa chỉ: 44A Đại lộ Lê Lợi - Phường Tân Sơn - Thành phố Thanh Hóa - Tỉnh Thanh Hóa
	Điện thoại: 037 3853098 Fax: 037 3854048
52	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT THỪA THIÊN HUẾ
	Địa chỉ: 02 Nguyễn Thị Minh Khai - Thành Phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế
	Điện thoại: 054 3828526 Fax: 054 3828527
53	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT TIỀN GIANG
	Địa chỉ: 19 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Phường 4 - Thành phố Mỹ Tho - Tỉnh Tiền Giang
	Điện thoại: 073 2210629 Fax: 073 3875542
54	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT TRÀ VINH
	Địa chỉ: 7A Trưng Nữ Vương - Phường I - Thành phố Trà Vinh - Tỉnh Trà Vinh
	Điện thoại: 074 3854007 Fax: 074 3854076
55	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT TUYÊN QUANG
	Địa chỉ: 258 Đường Tân Trào - Phường Minh Xuân - Thị xã Tuyên Quang - Tỉnh Tuyên Quang
	Điện thoại: 027 3821382 Fax: 027 3821461
56	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT VĨNH LONG
	Địa chỉ: 8 Hưng Đạo Vương - Phường 1 - Thành phố Vĩnh Long - Tỉnh Vĩnh Long
	Điện thoại: 070 3824262 Fax : 070 3824425
57	TÊN ĐƠN VỊ: CHI NHÁNH NHPT YÊN BÁI
	Địa chỉ: 1026 Đường Điện Biên - Phường Đồng Tâm - Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái
	Điện thoại: 029 3853158 Fax: 029 3851319

CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam áp dụng và thực hiện công tác kế toán từ ngày 01/01/2010 theo danh mục tài khoản kế toán, hệ thống mẫu biểu kế toán, sổ kế toán và chứng từ kế toán ban hành theo công văn số 15682/BTC-CĐKT ngày 14/12/2008 của Bộ Tài chính.

2. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Đồng tiền hạch toán: đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá tương ứng với từng nghiệp vụ. Kế toán theo dõi nguyên tệ được phản ánh trên bảng cân đối tài khoản theo từng loại tiền tệ.

Số dư tiền gửi ngoại tệ cuối mỗi tháng được đánh giá lại theo tỷ giá ngoại tệ được Ngân hàng Nhà nước thông báo hàng tháng.

4. Phương pháp hạch toán kế toán: kết hợp giữa kế toán dồn tích và kế toán theo dòng tiền.

Thu cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý hạch toán theo phương pháp dồn tích.

Đối với các phần hành kế toán khác, tuân thủ phương pháp kế toán thực thu, thực chi (kế toán theo dòng tiền).

5. Phương pháp kế toán tài sản cố định:

Tài sản cố định được quản lý, sử dụng và trích khấu hao theo Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính.

6. Hình thức kế toán áp dụng: kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức kế toán Nhật ký chung.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Chú thích	2010	2011
A - TÀI SẢN			
Tiền mặt	1	3.993	8.332
Tiền gửi	2	25.078.620	32.046.617
Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ	3	171.095.398	226.932.798
Các khoản phải thu	4	7.068.137	10.809.820
Tài sản cố định	5	1.222.658	1.226.943
Tài sản Có khác	6	2.806.278	3.683.613
Tổng Tài sản		207.275.084	274.708.123
B - NGUỒN VỐN			
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD	7	372.278	342.021
Tiền gửi của TCKT, khách hàng	8	6.703.233	12.199.584
Vay NSNN, TCTC, TCTD	9	15.567.739	14.523.560
Vốn uỷ thác đầu tư	10	63.726.896	107.387.599
Phát hành giấy tờ có giá	11	95.939.800	115.504.800
Các khoản phải trả, phải nộp	12	4.951.884	5.270.970
Tài sản Nợ khác	13	1.363.605	3.552.823
Vốn của NHPT	14	15.498.852	12.124.931
Quỹ của NHPT	15	1.193.556	2.052.574
Kết quả hoạt động chưa phân phối	16	1.957.241	1.749.261
Tổng Nguồn vốn		207.275.084	274.708.123

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	Chú thích	2010	2011
Thu lãi cho vay	17	6.411.582	7.358.385
Thu lãi tiền gửi	18	2.273.626	4.919.364
Thu ngoài lãi	19	2.831.061	3.947.584
Tổng thu nhập		11.516.269	16.225.333
Chi trả lãi tiền vay	20	1.511.229	1.441.832
Chi trả lãi tiền gửi	21	602.258	653.202
Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	22	6.984.046	10.141.168
Chi ngoài lãi	23	1.585.096	2.973.169
Tổng chi phí		10.682.629	15.209.371
Chênh lệch thu - chi		833.640	1.015.962

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp năm 2011)

ĐVT: đồng

STT	Chi tiêu	Năm nay
	I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ	
1	- Tiền chi cho vay	(37.668.459.918.367)
2	- Tiền thu hồi cho vay	11.474.181.199.116
3	- Nhận tiền gửi của khách hàng	6.539.303.052.274
4	- Trả các khoản tiền gửi cho khách hàng	(5.690.069.895.317)
5	- Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức khác	(254.650.123.969.289)
6	- Thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	250.264.740.054.334
7	- Tiền thu phí	6.035.616.840
8	- Tiền thu lãi cho vay	1.611.970.820.014
9	- Thu lãi tiền gửi	4.769.356.016.055
10	- Tiền trả lãi tiền gửi, tiền vay, lãi phát hành trái phiếu	(9.796.651.907.189)
11	- Tiền nhận vốn hỗ trợ sau đầu tư, cấp phát ủy thác	1.773.865.550.479
12	- Tiền cấp hỗ trợ sau đầu tư, cấp phát vốn ủy thác	(3.451.858.938.936)
13	- Tiền nhận vốn ủy thác cho vay	103.717.272.961
14	- Trả các khoản vốn nhận ủy thác	(139.068.125.764)
15	- Thu hồi các khoản tiền ủy thác	-
16	- Tiền ủy thác cho các đơn vị khác	-
17	- Thu khác	347.629.271.389.855
17.1	- Tiền thu cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý	2.695.000.000.000
17.2	- Tiền thu từ các khoản khác của hoạt động nghiệp vụ	284.172.991.833.559
17.3	- Tiền thu từ các khoản phải thu khác	60.761.279.556.296

18	- Chi khác	(310.872.039.078.119)
18.1	- Tiền đã trả cho người bán	(6.238.943.222)
18.2	- Tiền đã trả cho công nhân viên	(105.485.908.528)
18.3	- Tiền đã trả cho các khoản nợ phải trả khác	(10.904.718.389.645)
18.4	- Các khoản chi khác cho hoạt động nghiệp vụ	(299.855.595.836.724)
19	- Thu trong thanh toán	5.391.631.629.591
20	- Trả trong thanh toán	(8.861.800.767.223)
21	- Điều chuyển vốn	(20.111.728.772.436)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động nghiệp vụ	(21.677.728.771.121)
	II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	
19	- Tiền thu do bán tài sản cố định	807.779.820
20	- Tiền mua tài sản cố định	(67.596.083.268)
21	- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	-
22	- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	-
23	- Các khoản thu tiền khác từ hoạt động đầu tư	489.347.226
24	- Các khoản chi tiền khác từ hoạt động đầu tư	(8.955.366.708)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(75.254.322.930)
	III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	
25	- Tiền đi vay các tổ chức khác	1.006.897.617.768
26	- Tiền thu từ phát hành trái phiếu, tín phiếu	34.975.000.000.000
27	- Tiền thu khác từ hoạt động tài chính	-
28	- Tiền trả nợ vay	(2.789.344.189.530)
29	- Trả nợ phát hành trái phiếu, tín phiếu	(8.190.000.000.000)

30	- Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	(845.000.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	24.157.553.428.238
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	2.404.570.334.187
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	(514.182.092.797)
	Tiền tồn đầu kỳ	25.082.612.931.479
	Tiền tồn cuối kỳ	26.973.001.172.869

MỘT SỐ CHỦ THÍCH TÀI CHÍNH

1. Tiền mặt

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Tiền mặt	3.993	8.332
Tiền mặt tại quỹ	3.993	8.332

2. Tiền gửi

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Tiền gửi	25.078.620	32.046.617
Tiền gửi tại NHNN	180.635	269.972
Tiền gửi tại các TCTD	24.897.985	31.776.645
+ Tiền gửi không kì hạn	2.671.309	2.765.912
+ Tiền gửi có kì hạn	22.226.676	29.010.732

3. Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ	171.095.398	226.932.798
Cho vay tín dụng xuất khẩu	16.079.355	16.226.757
Trong đó:		
+ Quá hạn	2.458.166	2.712.051
+ Khoanh nợ	-	-
Cho vay trung, dài hạn tín dụng đầu tư	86.502.574	97.851.622
Trong đó:		
+ Quá hạn	3.285.655	3.749.337
+ Khoanh nợ	175.228	3.008.769
Cho vay nhà nhập khẩu	0	0
Trong đó:		
+ Quá hạn	0	0
+ Khoanh nợ	0	0
Cho vay lại vốn ODA	61.221.297	102.643.869
Trong đó:		
+ Quá hạn	613.227	919.641
+ Khoanh nợ		133.519
Cho vay khác	7.257.854	10.103.816
Trong đó:		
+ Quá hạn	545.005	162.555
+ Khoanh nợ	0	0
Bảo lãnh, tái bảo lãnh	33.693	106.734
Nợ vay chờ xử lý	625	0

4. Các khoản phải thu

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Các khoản phải thu	7.068.137	10.809.820
Nợ phải thu	1.114.724	2.606.709
+ Chờ NSNN cấp bù CLLS & phí QL	1.013.855	1.993.642
+ Phải thu khác	75.260	609.797
+ Tạm ứng	25.609	3.270
Phải thu trong hoạt động thanh toán (gồm: số chờ ghi thu ghi chi, số trả Bộ Tài chính vốn ODA chưa tất toán)	5.953.413	8.203.111

5. Tài sản cố định

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Tài sản cố định	1.222.658	1.226.943
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>309.520</i>	<i>183.937</i>
Nguyên giá	658.141	739.310
Hao mòn lũy kế	(348.621)	(555.373)
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Nguyên giá	0	0
Hao mòn lũy kế	0	0
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>913.138</i>	<i>1.043.006</i>
Nguyên giá	925.116	1.058.686
Hao mòn lũy kế	(11.978)	(15.680)

6. Tài sản Có khác
ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Tài sản Có khác	2.806.278	3.683.612
+ Đầu tư tài chính	0	0
+ Vật liệu, dụng cụ	0	0
+ Chi phí XD CB DD	234.834	260.777
+ Chi phí trả trước	2.355	2.199
+ Góp vốn, đầu tư dài hạn	2.544.510	3.393.880
+ Tài sản Có khác	24.579	26.756

7. Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD
ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD	372.278	342.021
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD bằng VNĐ	372.278	342.021
Tiền gửi của KBNN, TCTC, TCTD bằng ngoại tệ	0	0

8. Tiền gửi của khách hàng

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Tiền gửi của khách hàng	6.703.233	12.199.584
<i>Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn của khách hàng</i>	<i>6.424.096</i>	<i>12.194.724</i>
+ Tiền gửi của khách hàng trong nước bằng VNĐ	6.418.107	7.445.877
+ Tiền gửi của khách hàng trong nước bằng ngoại tệ	5.989	4.748.847
+ Tiền gửi của khách hàng nước ngoài bằng ngoại tệ	0	0
<i>Tiền gửi ký quỹ (*)</i>	<i>279.137</i>	<i>4.860</i>

9. Vay NSNN, TCTC, TCTD

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Vay NSNN, TCTC, TCTD	15.567.739	14.523.560
Vay NSNN	2.710.274	6.765.028
Vay TCTC, TCTD trong nước	12.525.807	6.821.272
Vay TCTC, TCTD ở nước ngoài	331.658	937.260

10. Vốn uỷ thác đầu tư

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Vốn uỷ thác đầu tư	63.726.896	107.387.599
Nhận vốn ODA cho vay lại	64.101.181	107.061.466
Chênh lệch tỷ giá vốn ODA	1.554.817	1.527.298
Vốn uỷ thác HTSĐT	15.488	166.517
+ Vốn được uỷ thác	591.153	742.821
+ Cấp HTSĐT	(575.665)	(576.304)
Vốn uỷ thác cấp phát	(44.424)	(460.135)
+ Vốn được uỷ thác	23.901.154	22.900.414
+ Cấp phát uỷ thác	(23.945.578)	(23.360.549)
Vốn uỷ thác cho vay (*)	(1.900.166)	(907.547)
+ Vốn được uỷ thác	25.055.532	32.769.928
+ Cho vay uỷ thác	(26.955.698)	(33.677.475)

11. Phát hành giấy tờ có giá
ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Phát hành giấy tờ có giá	95.939.800	115.504.800
<i>Phát hành tín phiếu, trái phiếu bằng VNĐ</i>	<i>95.939.800</i>	<i>115.504.800</i>
Mệnh giá trái phiếu	95.939.800	115.504.800
Phụ trội trái phiếu	0	0
Chiết khấu trái phiếu	0	0
Phát hành tín phiếu, trái phiếu bằng ngoại tệ	0	0
Mệnh giá trái phiếu	0	0
Phụ trội trái phiếu	0	0
Chiết khấu trái phiếu	0	0

12. Các khoản phải trả, phải nộp
ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Các khoản phải trả, phải nộp	4.951.884	5.270.968
Nợ phải trả	3.329.519	3.683.699
+ Phải trả lãi tiền gửi, tiền vay, lãi trái phiếu	0	0
+ Phải trả lãi, phí vốn nhận uỷ thác cho vay	2.907.587	3.202.842
+ Phải trả người bán	2.828	1.361
+ Phải trả CBVC	157.028	202.527
+ Phải nộp Nhà nước (gồm: vốn ODA chưa đến kỳ trả Bộ Tài chính, phải nộp nhà nước khác)	4.407	4.925
+ Phải trả, phải nộp khác	257.669	272.045
Phải trả trong hoạt động thanh toán	1.622.365	1.587.269

13. Tài sản Nợ khác

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Tài sản Nợ khác	1.363.605	3.552.825
+ Tiền tạm giữ chờ thanh toán	4.330	9.364
+ Quỹ dự phòng rủi ro	1.196.304	3.217.919
+ Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	71.383	75.658
+ Tài sản nợ khác	91.588	249.884

14. Vốn của NHPT

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Vốn của NHPT	15.498.852	12.124.931
Vốn điều lệ	10.457.016	10.291.211
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	25.257	23.245
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.016.579	1.810.475

15. Quỹ của NHPT

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Quỹ của NHPT	1.193.556	2.052.574
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	6.375	455.187
Quỹ đầu tư phát triển	1.187.181	1.597.387
Quỹ khác (*)	0	0

16. Kết quả hoạt động chưa phân phối

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Kết quả hoạt động chưa phân phối	1.957.241	1.749.260
Kết quả hoạt động chưa phân phối kỳ trước	1.123.601	846.298
Kết quả hoạt động chưa phân phối kỳ này	833.640	902.962

17. Thu lãi cho vay

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Thu lãi cho vay	6.411.582	7.358.385
Thu lãi cho vay XK ngắn hạn	796.516	754.176
Thu lãi cho vay trung dài hạn tín dụng đầu tư	4.390.271	4.997.349
+ Thu lãi cho vay TD ĐT trung dài hạn		
+ Thu lãi cho vay XK trung dài hạn		
Thu lãi cho vay chương trình đặc biệt của Chính phủ	220.017	164.543
Thu lãi cho vay khác	1.004.778	1.442.317

18. Thu lãi tiền gửi

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Thu lãi tiền gửi	2.273.626	4.919.364
Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	64.605	70.684
Thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.209.021	4.848.680

19. Tổng thu ngoài lãi

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Tổng thu ngoài lãi	2.831.061	3.947.584
Thu cấp bù CLLS và phí quản lý (*)	2.251.172	3.670.794
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	4.746	2.098
Thu phí dịch vụ thanh toán	8.883	8.091
Thu phí dịch vụ ngân quỹ	2	6
Thu từ nghiệp vụ uỷ thác (**)	192.194	232.011
Các khoản thu nhập khác	374.064	34.584

(*): Gồm phí quản lý TDDĐT, TDXX, cho vay vốn uỷ thác của BTC

(**): Không gồm phí quản lý cho vay vốn uỷ thác của BTC

20. Chi trả lãi tiền vay

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Chi trả lãi tiền vay	1.511.229	1.441.832
Chi trả lãi tiền vay ngắn hạn	41.598	89.649
Chi trả lãi tiền vay trung và dài hạn	1.469.631	1.352.183

21. Chi trả lãi tiền gửi

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Chi trả lãi tiền gửi	602.258	653.202
Chi trả lãi tiền gửi KKH vốn huy động	22.811	28.274
Chi trả lãi tiền gửi KKH vốn khác	11.411	6.631
Chi trả lãi tiền gửi CKH vốn huy động	568.036	618.297
Chi trả lãi tiền gửi CKH vốn khác		

22. Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Chi trả lãi phát hành giấy tờ có giá	6.984.046	10.141.168
Chi trả lãi trái phiếu	6.984.046	10.141.168

23. Chi phí ngoài lãi

ĐVT: triệu đồng

Khoản mục	2010	2011
Tổng chi phí ngoài lãi	1.585.096	2.973.168
Chi khác về huy động vốn	72.246	71.315
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	3.222	2.502
Chi nộp thuế, phí, lệ phí	598	485
Chi hoạt động khác	281.228	1.169
Chi phí cho nhân viên	464.247	560.486
Chi hoạt động quản lý và công vụ	105.323	129.678
Chi khấu hao TSCĐ	65.372	227.510
Chi dự phòng	496.980	1.809.679
Chi phí khác	95.881	170.339

OVERVIEW OF VIETNAM DEVELOPMENT BANK

1. Establishment and development of VDB

Vietnam Development Bank (VDB in abbreviation) was established by the Decision No. 108/2006/QĐ-TTg dated May 19, 2006 of the Prime Minister on establishment of Vietnam Development Bank based on the reorganization of Development Assistance Fund. VDB has operation period of ninety-nine (99) years upon effectiveness of the Decision 108/2006/QĐ-TTg.

VDB's organization and operations are in accordance with the Decision No. 110/2006/QĐ-TTg dated May 19, 2006 by the Prime Minister.

VDB's financial mechanism is in accordance with the Decision No 44/2007/QĐ-TTg dated March 30, 2007 by the Prime Minister.

VDB is recognized as legal entity with chartered capital of 10 trillion VND, operating on the nonprofit basis. VDB solvency is guaranteed by the Government without compulsory reserve ratio and deposit insurance; free of tax and payments to the state budget.

With the motto “**Safety Efficiently International Integration Sustainable Development**”, after 6 years of growth and development, VDB has made important contributions to the country's industrialization and modernization.

Headquarter:

Address: 25A Cat Linh street, Dong Da District, Hanoi

Tel.: (+844) 3736 5659 or (+844) 3736 5671

Fax: (+844) 3736 56722

2. Functions and missions of VDB

Decision No. 108/2006/QĐ-TTg dated May 19, 2006 of the Prime Minister on establishment of VDB regulates VDB's functions and missions as below:

- Mobilize and receive fund from domestic and foreign institutions to implement State development investment credit and export credit policies of Government;
- Implement State policies on development investment credit and export credit policies in line with Government regulations.
- Manage the ODA on lending funds delegated by the Government; Receive trust funds for grant and/or investment lending, collect debt on behalf of domestic and foreign organizations in accordance with trust agreements signed between VDB and these organizations;

- Entrust VDB's credit activities to other financial and credit institutions;
- Provide settlement service for customers and take part in domestic and international settlement system in the purpose to provide VDB's activities in compliance with current regulations;
- Promote international cooperation in the fields of development investment credit and export credit;

In the implementation process, VDB undertake other tasks assigned by the Prime Minister as below :

- Guarantee loans from commercial banks in Vietnam for enterprises with the Decision No. 03/2011/QĐ-TTg dated January 10, 2011 of the Prime Minister;
- Issue loans to pay salaries, social insurance, health insurance, unemployment insurance, severance allowances with the Decision No. 87/2010/QĐ-TTg dated December 24, 2010 of the Prime Minister;
- Extend loans for companies experiencing difficulties due to the economic slowdown to pay salary and social insurance for unemployment insurance with the Decision No. 30/QĐ-TTg dated February 23, 2009 of the Prime Minister;
- Perform other duties assigned by the Prime Minister such as allocation and payment management for component projects of the Son La Hydropower Plant, including population relocation settlements, factories building, avoid-flooding roads. Since 2008, Prime Minister requires VDB to carry out the loan and investment for the construction of Ha Noi - HaiPhong Expressway.

3. VDB's funding sources:

Decision No.75/2011/NĐ-CP dated August 30, 2011 of the Government on State Export Credit and Investment Credit regulates:

- Funds from the State Budget used for:
 - a) VDB's chartered capital and funds
 - b) Development Investment Credit and implementation of targeted program of the Government and local authorities
 - Official development assistance fund and preferential loans
 - + Official development assistance fund (ODA) and foreign preferential loans assigned by relevant authorities to on lend or to lend to targeted credit programs
 - Mobilized funds :
 - + Issuing bonds guaranteed by the Government under the laws and regulations of issuing bonds and bonds backed by government;
 - + Issuing bonds, notes and other valuable papers in domestic currency in accordance with applicable legal regulations
 - + Borrowing from domestic and international financial and credit institutions;

- + Borrowing from Vietnam Social Insurance
- + Borrowing from the State Bank of Vietnam (refinancing and mortgage, discount of valuable papers through open market tool)
- + Borrowing from domestic and abroad individual/organizations
- Trust fund
- + Trust funds from local authorities, organizations, domestic and foreign organizations/individual for development investment projects, export programs at the request of the entrusted agency.

BOARD OF MANAGEMENT'S REPORT

Overview of Global Economy and Vietnam in 2011 and VDB's performance

1. Overview of global economy and Vietnam in 2011 Main impacts on VDB's performance

Despite the optimistic rebound signs in 2010, the global economy experiences the year of 2011 with many obstacles starting with world economic leaders such as the deflation trend in Japan, the curbing of China's GDP growth rate, the European public debt crisis, and especially the negative impacts from political crisis over North Africa, Middle East and natural catastrophes in Japan (which approximately pulled the global economic growth rate by at least 0.5%). Once again, global economic faces crisis and new challenges brought by inflation, cereal crisis, public debt and financial market fluctuation.

In 2011, our economy functions under the impacts from the global economic crisis. In spite of negative impacts from global economy, Vietnam's economy has adapted itself to the fluctuations of the global economic and therefore achieved several important indicators.

- GDP growth rate in 2011 at 5.89%:

Gross Domestic Production (GDP) in 2011 approximately grows by 5.89% compared with 2010 and balancedly grows in three economic sectors. The GDP growth rate in 2011, lower than 6.78% of 2010, is still high and reasonable in the context that production inflation is curbing and that the priorities are made for macroeconomic stabilization. The economic size is about 119 billion USD with GDP per capita amounted to 1,300 USD/year.

- ODA inflow of 7.4 billion USD:

Despite difficulties of global economy and the fact that Vietnam is becoming an average income country, international donors still support and trust in the efficient use of ODA into Vietnam. In 2011, ODA disbursement of Vietnam reached 3.65 billion USD. This figure only accounted for half of commitment value of 7.9 billion USD at Mid-term Conference of Consultative Group of donors (CG conference) to Vietnam 2010, yet increased by 10% compared with 2.9 billion USD of the last year.

- Export turnover of 96,3 billion USD

Vietnam's 2011 Export - Import turnover hits the record at 202 billion USD, which accounts for 170% GDP. The export turnover significantly amounts to 96.3 billion USD, which is three times higher than the objective set by the Congress and increases by 33.3% than 2010.

Import turnover is 106 billion USD, increased by 25% compared with 2010. The increase of export turnover has mitigated the import deficit. The trade deficit 2011 is only 9.5 billion USD, which is lower by 20% compared with 2010 and accounts for 9.9% of total export turnover. The trade deficit 2011 is the lowest in recent five years. Since 2002, the ratio of trade deficit over export turnover is the lowest.

- Budget deficit in 2011 reduced to 4.9%

State Budget income in 2011 is 674.5 trillion VND, accounting for 113.4% of the plan (20.6% higher than in 2010 (Objective set in Decision No. 11 of Government is to increase by 7-8%). State Budget expenses in 2011 are about 796 trillion VND. The State Budget deficit 2011 is about 4.9% of GDP, which is lower than the Congress' planned Budget deficit rate of 5.3% GDP. This is also the record of low deficit rate in three years.

- Increasing Credit Rate of 12%

Through the strict and careful implementation of tightening monetary policy since early 2011, increasing credit rate and payment means are rather low. In 2011, total payment means increase by 12% (objective of 20%) in which those in VND increased by 10.2% and foreign currency credit increased by 18.7%. Priorities of credit growth go to agriculture production, export and SME promotion.

Obviously, the achievements gained thanks to the national efforts and determination. However, besides the success, the economy is not really sustainable and stable, as indicated by a number of existing problems such as unstable macroeconomy; high inflation and credit interest rate; increasing NPLs of the banking system and difficulties in liquidity of some commercial banks; limited foreign exchange reserves, even greater exchange rate pressure; declining of stock market and real estate market; difficulties in manufacturing and business; slow innovation growth model and economic restructuring.

The economy context has affected VDB's operation on the following aspects:

First, world economic difficulties limit VDB approaching and mobilizing funds from international organizations. Besides, the export capacity of enterprises borrowing export credit from VDB is affected from declining purchasing power of the world and fierce competition from local businesses.

Second, high inflation rate increasing the cost of the economy along with the exchange rate causing the ongoing investment projects due to increased total investment capital, even non-production and dissolution. According to statistics, in 2011, the percentage of enterprises ceasing production accounts for 5.3% and waiting for dissolution accounting for 5.4% of the total number of enterprises in the country, in which no enterprise borrows from VDB i.e not affecting the source of repayment of the VDB.

Third, race among banks caused by increasing funding interest rate, on the one hand, affects business operation due to the high financial costs, on the other hand affects VDB's ability to raise capital through the government backed bonds and from other sources in reason of VDB's low mobilization interest rate.

Fourth, capital demand requirements make higher pressure for the VDB funding and use as well as credit safety, liquidity ensuring and risk management.

2. VDB's performance in 2011

2.1. Fund reception and mobilization

In the context of the 2011 high-inflation-rate economy, difficulties in fund mobilizing activities of the banking system led to the races of interest rate. Aware of the difficulties, beginning in 2011, VDB has promoted the fund mobilization with flexible interest rate mechanism, on the one hand ensuring the compliance with the provisions of the State Bank, on the other hand being consistent with a mechanism to stabilize its VDB operation capital. The total mobilized fund of VDB received in 2011 is nearly 49,500 billion VND and 590 million USD, including 34,975 billion VND from the issuance of government-guaranteed bonds.

2.2. Investment Credit

In compliance to the Resolution No. 11 of the Government, VDB reviewed and decreased investment credit amount at the beginning of 2011 (decreased to 2.500 billion VND). Disbursement priorities are for 225 projects, which can meet the completion deadline in 2011; social welfare projects, etc. In 2011, VDB's investment credit disbursement reached 23,452 billion VND (equivalent to 99.8% of the plan approved by BOM up to 23,500 billion VND and roughly 92% of the Prime Minister's plan adjusted as per the Resolution No. 11/2011/NQ-CP).

Along with investment credit lending projects, VDB continued to support two government programs (canals solidification and embankment flood of the Mekong Delta) with the disbursed amount in 2011 was more than 2,500 billion VND.

For Ha Noi - HaiPhong expressway project, a national key project, VDB will continually ensure funding needs in accordance with its project. As of December 31st, 2011, VDB has disbursed for the project nearly 4,500 billion VND, 36.5 million USD and 55 billion KRW.

2.3. Export credit

Total export credit amount in 2011 is approximately 20,000 billion VND, the average outstanding reached 16,700 billion VND, fulfilling 98% of the plan approved by the Prime Minister. Borrowers are reputation exporters of seafood, coffee, cashew, furniture, vegetables, tea, etc. The activities of extending loan to export contracts are carried out with caution, ensuring credit safety through security measures, review, evaluation of customer credit profile and setting up credit line for each customer.

2.4. ODA fund and revolving funds

Recently, VDB manages about 60% of ODA fund in Vietnam with the total contracts commitment amount of about 10,000 billion USD of which 9,634 million USD for 388 ODA on lending projects on the delegation of Ministry of Finance; and 278,5 million USD for 09 national target programs as agreed in Credit agreement between Vietnam Government and donors. Total disbursement from the beginning of the year until 31/12/2011 is more than 10,577 billion VND, achieving 106% of disbursement plan in 2011 (include ODA loans that Ministry of Finance making disbursement and debt collection and those for target programs). Total outstanding loan is 109,290 billion VND.

Besides managing ODA funds from other countries to Vietnam, VDB also manages Vietnam ODA to foreign countries. In 2011, VDB has completed disbursements with an approximate amount of 25 million USD for the Upgrading Cambodia National Highway 78 project. Disbursement for the Road N0 2E construction project in North Lao with the total amount is about 33 million USD.

2.5. Post-investment subsidy, managing trust fund and other credits

In 2011, VDB continue managing and providing post-investment support to 440 projects with support commitment as contracts of more than 2,400 billion VND, in which the amount in 2011 is approximately 100 billion VND.

Resettlement and flood avoiding road construction for Son La Hydropower project: in 2011, VDB has allocated about 2,500 billion VND, hence satisfies promptly funding needs in accordance with the progress of project items and project components in the framework of Son La Hydropower project complex, contribute positively to the progress and success of the largest scale Hydropower project in South East Asia.

Allocation and lending trust funds: Pursuant entrustment contracts signed with customers, in 2011, VDB has managed, allocated 582 billion VND from trust funds; credit amount from trust funds achieving 60 billion VND increase the total outstanding loan of entrusted capital to 3,000 billion VND as per December 31, 2011.

By the Decision No 87/2010/QĐ-TTg on December 24, 2010 of the Government on loan extension to companies, labors working for Vinashin and Vinalines corporation to pay salary, social insurance, unemployment insurance, health insurance, severance allowances, jobs creation, apprenticeship and the Decision No 30/2009/QĐ/TTg on February 23, 2009 of the Government about supporting unemployment labors who meet difficulty due to economic decline. As December 31, 2011, VDB has extended loans to 49 companies with the total outstanding of more than 200 billion VND, ensuring Government policy about labors and social security.

2.6. Guarantee for companies applying for loans in commercial banks:

In 2011, VDB continues to provide guarantee to companies to apply loans from commercial banks. Until now, 211 guarantee letters are still valid with the guaranteed amount 2,766 billion VND of which 1,944 billion VND is outstanding. VDB's guarantee has supported companies to have better access to commercial banks funds and to ensure their production and business activities.

2.7. International cooperation:

International cooperation activities has been very helpful in supporting mobilization of foreign capital to decrease the pressure of fund in the system, satisfy funding needs of key projects such as Hanoi- Hai Phong expressway construction project, Wind power program in Bac Lieu, Binh An high quality hospital construction project in Ha Nam province, Developing supporting industries and export financing lines with Japan Bank for International Cooperation project (JBIC)

Besides that, VDB has promoted its image, builded up and expanded its partnership network by participating in seminars and trainings courses of development financing institutions; aboard study programs; meetings with partners to seek opportunities for cooperation.

2.8. Legal work

Units of VDB have cooperated strictly together in issues related to loan security, bankruptcy request, lawsuits, settlement of security assets, change of project owner... review, codified documents, law education and monitoring operation activities in accordance with laws and regulation in the scale of the whole system.

2.9. Settlement.

Settlement system from Head office to branches has been improved in the sense of professionalization and modernization, ensuring fluid operation. The system meets with three criteria “Stable, safe and accurate” in accordance with the provisions of VDB. There is no case of cash surplus or deficit, or losing money. The effectiveness of payment has been guaranteed and reflected in 2 factors: Faster settlement with economical and reasonable cost.

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: The Board of Management and Board of Directors of Vietnam Development Bank

We have audited the Financial Statement of the Vietnam Development Bank as including the Balance sheet, the Income statement, the Cash flow Statement for the year then ended as at 31 December 2011, and the notes thereto as set out on June 30th 2012.

These financial statements are the responsibility of the VDB Board of Directors. Our responsibility is to express opinion on these financial statements based on our audit.

Basis of audit opinions

We conducted our audit in accordance with Vietnam standards on auditing (VSA). These standards require that we plan and perform the audit to obtain reasonable assurance to determine whether the financial statements are free of material misstatements. An audit includes examining, on a test basis, evidence supporting the amounts and the disclosures in the financial statements and assessing the compliance with current accounting standards and principles and significant estimates of the Board of Directors as well as evaluating the overall presentation of the Financial Statements. We believe that our audit provides a reasonable basis for our opinion.

Scope of audit

The financial statements 2010 of the Vietnam Development Bank have been audited by the State Audit of Vietnam. The data have been adjusted according to the State Audit Report in 2011 without amendment of the beginning data in the Balance Sheet and data of the Income statement 2011

As per assignment by the Vietnam Development Bank, we have only conducted audit its Headoffice and 29 out of VDB's 63 branches and units. Major audited ratios have been shown in the Annex 05. Auditor's opinions are based on the results of the audit at the audited subsidiaries excluding the impact of the mistakes (if any) of the unaudited subsidiaries to financial statements of the VDB.

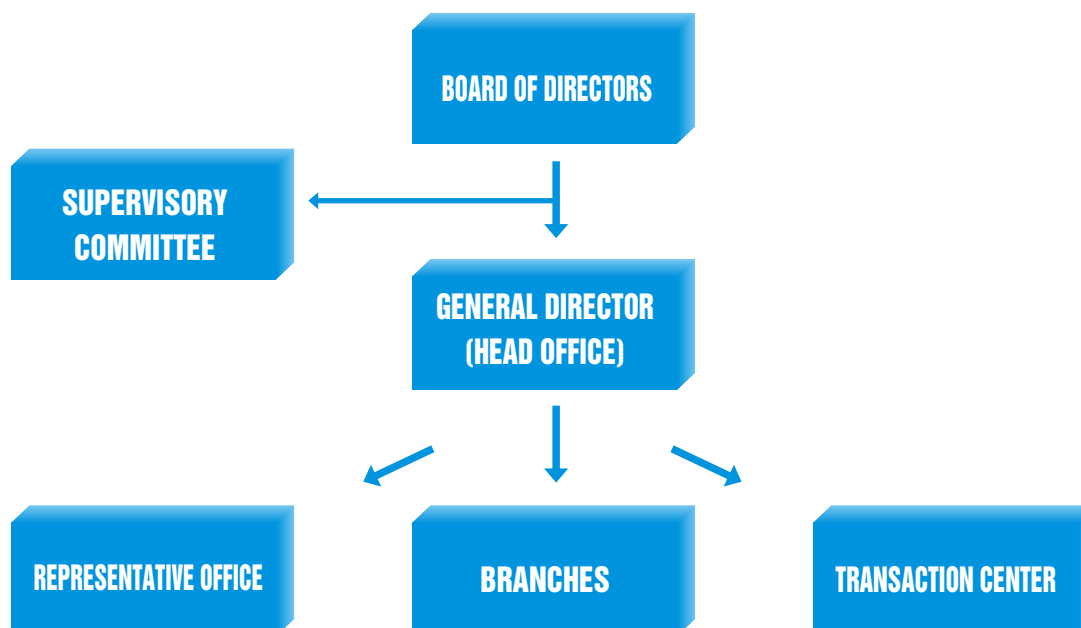
Limitations

Internal receivables, payables between the Head office and its subsidiaries may be not completely eliminated because of the differences remained. These differences are reflected in the balance sheet as receivables and payables.

Opinion

In our opinion, except for the effect of audit scope limitations and the problems mentioned above, the financial statements, in all material aspects, give a true and fair view of the financial position of VDB as at December 31, 2011, the results of its operation and cash flows for the year ended in accordance with the format of financial statements of VDB issued with document No.15682/BTC-CDKT dated December 24, 2008 by the Ministry of Finance on the approval of the accounting accounts and financial statement form of VDB.

ORGANIZATION STRUCTURE



- VDB was organized under a nationwide model from the central to local levels.

Figure 1

a) *Board of Directors (BOD)* is made up of 07 members, including 04 full time members who are the Chairman (having retired since July 1st 2011), General Director, Head of Supervisory Committee and 03 other part-time members, who are Deputy Minister of Finance, Deputy Minister of Planning and Investment and Deputy Governor of the State Bank. (since July 2011, Deputy Minister of Finance was appointed by the Prime Minister to supervise BOM's activities.

BOM's members of VDB include:

Mr. Tran Xuan Ha	Deputy Minister of Finance, Standing member
Mr. Nguyen Quang Dung	General Director, member
Mr. Dao NgocThang	Member in - charge
Mr. Dong Quang Dai	Head of Supervisory Committee, member
Mr. Dang Thanh Binh	Deputy Governor of the State Bank of Vietnam, member
Mr. Cao Viet Sinh	Deputy Minister of Planning and Investment, member

b) Supervisory Committee: includes maximum 07 full-time members, who are experts in finance, credit, investment and law. Head of Supervisory Committee is appointed/ dismissed by BOD. Other members of Supervisory Committee are appointed/ dismissed by the Chairman of BOD upon nomination by the Head of Supervisory Committee.

c) Board of Management (BOM): VDB's General Director is responsible for the VDB's operations. Under the General Director, Departments, Centers and Administration Office report to the General Director and BOM. General Director is the legal representative of VDB, responsible to the BOD, the Prime Minister and laws in terms of VDB's operations in compliance with its missions and functions regulated under the Charter.

The Headquarter of VDB is located in Hanoi. VDB has a nationwide network covering 02 Transaction Centers in Hanoi and Ho Chi Minh City, 05 regional branches and 47 provincial branches, 01 Representative Office in Ho Chi Minh City. By the end of 2011, the total number of employees was approximately 3,000.

Board of Management of VDB includes following members:

Mr. Nguyen Quang Dung	General Director
Ms. Dao Dung Anh	Deputy General Director
Mr. Dao Van Chien	Deputy General Director (cum General Director of VIDIFI)
Mr. Nguyen Chi Trang	Deputy General Director
Mr. Pham Duc Hoa	Deputy General Director (cum Chairman of BOD of VIDIFI)
Mr. Tran Ba Huan	Deputy General Director
Mr. Tran Phu Minh	Deputy General Director (appointed in February 2011)
Mr. Dao Quang Truong	Deputy General Director (appointed in February 2011)

VIETNAM DEVELOPMENT BANK'S BRANCHES NETWORK

1	AN GIANG BRANCH
	Add : 83 Nguyen Hue - My Long Ward - Long Xuyen City - An Giang Province
	Tel: 0763 846220 Fax: 0763 846223
2	BA RIA VUNG TAU BRANCH
	Add: 211 Le Hong Phong - 8 Ward - Vung Tau City - Ba RiaVung Tau Province
	Tel: 064 3857091 Fax: 064 3854676
3	BAC KAN THAI NGUYEN BRANCH
	Add: 16 NhaTrang - TrungVuong Ward - Thai Nguyen City - Thai Nguyen Province
	Tel: 0280 3657368 - 0280 3657968 Fax: 0280 3852866
	Branch Office: 02 Hung Vuong - 4 Group - Duc Xuan Ward - Bac Can Town - Bac Can Province
	Tel: 0281 3870008 - 0281 3870210 Fax: 0281 3870628
4	BAC NINH BAC GIANG AREAS BRANCH
	1. Branch Office: Add: Nguyen Thi Luu Street - Bac Giang City - Bac Giang Province
	Tel: 0240 3856 211 Fax : 0240 3857 011
	2. BacNinh Transaction Office Add: No 02 Nguyen Dang Dao - Tien An Ward - Bac Ninh City - Bac Ninh Province
	Tel: 0241 3822024 Fax: 0241 3822625
5	BEN TRE BRANCH
	Add: 172 Hung Vuong - 3 Ward - Ben Tre City - Ben Tre Province
	Tel: 075 3826056 Fax: 075 3803358
6	BINH DUONG BRANCH
	Add: 189 Binh Duong Avenue - Phu Tho Ward - Thu Dau Mot Town - Binh Duong Province
	Tel: 0650 3823946 Fax: 0650 3823695
7	BINH DINH BRANCH
	Add: 06 Le Duan - Quy Nhon City - Binh Dinh Province
	Tel: 056 3520719 Fax: 056 3520709
8	BINH PHUOC BRANCH
	Add: Nguyen Van Linh Street - Tan Phu Ward - Dong Xoai Town - Binh Phuoc Province
	Tel: 0651 3870206 Fax: 0651 3879460
9	BINH THUAN BRANCH
	Add: 12 Nguyen Tat Thanh - Binh Hung Ward - Phan Thiet City - BinhThuan Province
	Tel: 062 3824719 Fax: 062 3833451
10	CAO BANG BRANCH
	Add: 32 Xuan Truong Street - Hop Giang Ward - Cao Bang Town - Cao Bang Province
	Tel: 026 3853673 Fax: 026 3853069

11	CAN THO - HAU GIANG BRANCH
	Add: 01 Hai Ba Trung - Ninh Kieu District - Can Tho City
	Tel: 0710 3821769 Fax : 0710 3821778
	Hau Giang Transaction Office: 75 Ngo Quoc Tri - 5 District - Vi Thanh Town - Hau Giang Province
	Tel: 0711 3870135 Fax : 0711 3870136
12	DA NANG BRANCH
	Add: 74 Quang Trung - Thach Thang Ward - Hai Chau District - Da Nang City
	Tel: 0511 3834265 Fax: 0511 3830577
13	DAKLAK DAKNONG BRANCH
	Branch Office: 15 Truong Chinh - Buon Ma Thuot City - Daklak Province
	Tel: 0500 3956365 Fax: 0500 3955675
	DakNongTransaction Office: Phan Dang Luu - Nghia Trung Ward - Gia Nghia Town Dak Nong Province
	Tel: 0501 3549204 Fax: 0501 3549202
14	DIEN BIEN BRANCH
	Add: 908 7/5 Street - Muong Thanh Ward - Dien Bien Phu City - Dien Bien Province
	Tel: 0230 3827385 Fax: 3.825.801
15	DONG NAI BRANCH
	Add: Nguyen Ai Quoc Street - Quang Vinh Ward - Bien Hoa City - Dong Nai Province
	Tel: 059 3821390 Fax : 059 3822505
16	DONG THAP BRANCH
	Add: 48 Nguyen QuangDieu Ward 1 - Cao Lanh City - Dong Thap Province
	Tel: 067 3852472 Fax: 067 3852477
17	GIA LAI BRANCH
	Add: 02A Hoang Hoa Tham - Pleiku City - Gia Lai Province
	Tel: 059 3875128 Fax : 059 3822505
18	HA NAM BRANCH
	Add: 03 Tran Phu Street - Quang Trung Ward - Phu Ly City - Ha Nam Province
	Tel: 0351 3852095 Fax: 0351 3854130
19	HA GIANG BRANCH
	Add: 10 Bach Dang - Nguyen Trai Ward - Ha Giang Town - Ha Giang Province
	Tel: 0219 3866958 Fax: 0219 3866958
20	HA TINH BRANCH
	Add: 01 Dang Dung Street - Ha Tinh City - Ha Tinh Province
	Tel: 039 3857273 Fax: 039 3856575
21	HAI DUONG BRANCH
	Add: 7 Hong Quang Street - Nguyen Trai Ward - Hai Duong City - Hai Duong Province
	Tel: 0320 3856114 Fax: 0320 3857771

22	HAI PHONG BRANCH
	Add: 47A Luong KhanhThien - Ngo Quyen Ward - Hai Phong City
	Tel: 031 3921710 Fax: 031 3921201
23	HO CHI MINH CITY BRANCH
	Add: 3rd floor 229 Dong Khoi - Ben Nghe Ward - District 1 Ho Chi Minh City
	Tel: 083 8279 954 Fax: 083 8279952
24	HUNG YEN BRANCH
	Add : 07 Chu Manh Trinh Street - Hien Nam Ward - Hung Yen City - Hung Yen Province
	Tel: 0321 3551089 Fax: 0321 3862798
25	KHANH HOA BRANCH
	Add: 65 Yersin - Nha Trang City - Khanh Hoa Province
	Tel: 058 3825091 Fax: 058 3825435
26	KIEN GIANG BRANCH
	Add : No. 321, 3/2 Street - Vinh Lac Ward - Rach Gia City - Kien Giang Province
	Tell: 077 3863637 Fax: 077 3868165
27	KOM TUM BRANCH
	Add: 84B Phan Chu Trinh - Kon Tum City - Kom Tum Province
	Tel: 060 3862906 Fax: 060 3863890
28	LAI CHAU BRANCH
	Add: Quyet Thang Ward - Lai Chau Town - Lai Chau Province
	Tel: 0231 3875408 Fax: 0231 3876769
29	LAM DONG BRANCH
	Add: 2A Le Hong Phong - 4 Ward - Da Lat City - Lam Dong Province
	Tel: 063 3825356 Fax: 063 3825983
30	LANG SON BRANCH
	Add: 53 Le Loi - Vinh Trai Ward - Lang Son City - Lang Son Province
	Tel: 025 3872 196 Fax: 025 3873 010
31	LAO CAI BRANCH
	Add: 1/5 Street Nam Cuong Ward - Lao Cai City - Lao Cai Province
	Tel: 020 3825161 Fax: 020 3820576
32	LONG AN BRANCH
	Add: 06 Phan Boi Chau Street - I Ward Tân An City - Long An Province
	Tel: 072 3824406 Fax: 072 3822133 - 072 3553508
33	MINH HAI AREAS BRANCH
	1.Branch Office: 07 - An Duong Vuong Street - 7 Ward - Ca Mau City - Ca Mau Province
	Tel : 073 835018 Fax: 073 836016 - 073 685116
	2. Bac Lieu Transaction Office: 175 Tran Quynh Street - 1 Ward - Bac Lieu City - Bac Lieu Province
	Tel: 0781 3820328 Fax: 0781 3823960

34	NAM DINH BRANCH
	Add: 151 Bac Ninh Street - Nguyen Du Ward - Nam Dinh City - Nam Dinh Province
	Tel: 0350 3846862 Fax: 0350 3844033
35	NGHE AN BRANCH
	Add: 45 Duy Tan Street - Hung Phuc Ward - Vinh City - Nghe An Province
	Tel : 038 3840668 Fax: 038 3846228
36	NINH BINH BRANCH
	Add: 05 Le Hong Phong - Van Giang - Ninh Binh City - Ninh Binh Province
	Tel: 030 3872 624 Fax: 030 3873 066
37	NINH THUAN BRANCH
	Add : No. 28 16/4 Street - Phan Rang City - Thap Cham - Ninh Thuan Province
	Tel: 068 3824540 Fax : 068 3824569
38	PHU THO BRANCH
	Add: 1500 Hung Vuong - Gia Cam Ward - Viet Tri City - Phu Tho Province
	Tel: 0210 3845227 Fax: 0210 3848700
39	PHU YEN BRANCH
	Add: 337 Le Duan - 7 Ward - Tuy Hoa City - Phu Yen Province
	Tel : 057 3842454 Fax : 057 3841056
40	QUANG BINH BRANCH
	Add: 02 Tran Hung Dao - Dong Hoi City - Quang Binh Province
	Tel: 052 3822003 Fax: 052 3822338
41	QUANG NAM BRANCH
	Add: 13 Tran Hung Dao - Tam Ky City - Quang Nam Province
	Tel: 0510 3852926 Fax: 0510 3852296
42	QUANG NGAI BRANCH
	Add: 29 Hai Ba Trung - Quang Ngai City - Quang Ngai Province
	Tel: 055 3828528 Fax: 055 3820533
43	QUANG NINH BRANCH
	Add: 03 Dong Ho Street - Ha Long City - Quang Ninh Province
	Tel: 033 3828050 Fax: 033 3828174
44	QUANG TRI BRANCH
	Add: 184 Tran Hung Dao Street - Dong Ha City - Quang Tri Province
	Tel: 053 3851857 - 053 3854707 Fax : 053 3851085
45	TRANSACTION CENTER I
	1.Branch Office: 104 Tran Hung Dao Street - Cua Nam Ward - Hoan Kiem District - Hanoi City
	Tel: 04 39427908 Fax: 04 39427900
	2.Vinh Phuc Transaction Office: 10 Kim Ngoc Street - Vinh Yen City - Vinh Phuc Province
	Tel: 0211 3860 591 Fax: 0211 3861 163

	3.HoaBinh Transaction Office: Dong Tien Street - Hoa Binh City - Hoa Binh Province
	Tel: 0218 3856 600 Fax: 0218 3856 604
46	TRANSACTION CENTER II
	Add: 229 Dong Khoi - Ben Nghe Ward - 1 District - Ho Chi Minh City
	Tel: 08 38250063 Fax : 08 38245811
47	SOC TRANG BRANCH
	Add: 16 Tran Hung Dao - 2 Ward - Soc Trang City - Soc Trang Province
	Tel: 079 3822618 Fax: 079 3820778
48	SON LA BRANCH
	Add: 56B Lo Van Gia Street - Son La City - Son La Province
	Tel: 022 3852 861 Fax: 022 3853 060
49	TAY NINH BRANCH
	Add: No.385, 30/4 Street - I Ward - Tay Ninh Town - Tay Ninh Province
	Tel : 066 3810 851 Fax : 066 3827088
50	THAI BINH BRANCH
	Add: 5 Le Loi Street - Le Hong Phong Ward - Thai Binh City - Thai Binh Province
	Tel: 036 3734426 Fax: 036 3734840
51	THANH HOA BRANCH
	Add: 44A Le Loi Avenue - Tan Son Ward - Thanh Hoa City - Thanh Hoa Province
	Tel: 037 3853098 Fax: 037 3854048
52	THUA THIEN HUE BRANCH
	Add: 02 Nguyen Thi Minh Khai - Hue City - Thua Thien Hue Province
	Tel: 054 3828526 Fax: 054 3828527
53	TIEN GIANG BRANCH
	Add: No 19 - Nam Ky Khoi Nghia Street - 4 Ward - My Tho City - Tien Giang Province
	Tel: 073 2210629 Fax:073 3875542
54	TRA VINH BRANCH
	Add: 7A Trung Nu Vuong - I Ward - Tra Vinh City - Tra Vinh Province
	Tel 074 3854007 Fax: 074 3854076
55	TUYEN QUANG BRANCH
	Add: 2588 Tan Trao Street - Minh Xuan Ward - Tuyen Quang Town - Tuyen Quang Province
	Tel: 027 3821382 Fax: 027 3821461
56	VINH LONG BRANCH
	Add: No 8 - Hung Dao Vuong - 1 Ward - Vinh Long City - Vinh Long Province
	Tel : 070 3824262 Fax : 070 3824425
57	YEN BAI BRANCH
	Add: 1026 Dien Bien Phu Street - Dong Tam Ward - Yen Bai City - Yen Bai Province
	Tel: 029 3853158 Fax: 029 3851 319

FINANCIAL STATEMENT PRINCIPLES

1. Since January 1st 2010, the financial statements of VDB shall be prepared in accordance with accounting accounts and forms as well as book keeping format stipulated by the Decision No.15682/BTC-CĐKT dated December 14, 2008 of Minister of Finance (MOF).

2. Accounting period: from January 1st to December 31st

3. Accounting Currency: Vietnam Dong (VND)

Transactions in foreign currencies shall be converted into VND at the relevant exchange rate corresponding to each transaction. Foreign currency transactions are recorded in the balance sheet. Each currency corresponds to a currency

Accounting track original currency only reflected on the balance sheet accounts each currency.

Deposit in foreign currencies at the end of the month is re-evaluated according to the exchange rate disclosed by of State bank.

4. Accounting method: combination of accrual and cash accounting.

Interest rate subsidy and expenses for borrowings will be noted on the accrual principle.

For other transactions, the net receipt principle (net proceed principle) is in use.

5. Accounting method for fixed assets:

Fixed assets are monitored, used and depreciated based on the Decision No. 206/2003/QĐ-BTC dated December 12, 2003 by Ministry of Finance.

6. Accounting form is computer accounting form designed on the principle of journal accounting form.

BALANCE SHEET

Unit: VND million

Items	Note	2010	2011
A - Asset			
Cash in hand	1	3.993	8.332
Deposit	2	25.078.620	32.046.617
Operating asset	3	171.095.398	226.932.798
Receivables	4	7.068.137	10.809.820
Fixed assets	5	1.222.658	1.226.943
Others	6	2.806.278	3.683.613
Total asset	7	207.275.084	274.708.123
B - Liabilities	8		
Deposit at State Treasury, Financial institutions and credit institutions.	9	372.278	342.021
Deposit of Economic institutions and customers	10	6.703.233	12.199.584
Loans from State budget and Financial institutions and credit institutions	11	15.567.739	14.523.560
Trust funds	12	63.726.896	107.387.599
Valuable papers	13	95.939.800	115.504.800
Payables	14	4.951.884	5.270.970
Others	15	1.363.605	3.552.823
VDB's charter capital	16	15.498.852	12.124.931
VDB's funds		1.193.556	2.052.574
Retained earnings		1.957.241	1.749.261
Total liabilities		207.275.084	274.708.123

INCOME STATEMENT

Unit: VND million

Item	Notes	2010	2011
Interest on loans	17	6.411.582	7.358.385
Interest on deposits	18	2.273.626	4.919.364
Non-interest revenue	19	2.831.061	3.947.584
Total revenue		11.516.269	16.225.333
Interest expenses	20	1.511.229	1.441.832
Expenses for deposits.	21	602.258	653.202
Expenses for interest of valuable papers	22	6.984.046	10.141.168
Non-interest expenses	23	1.585.096	2.973.169
Total expenses		10.682.629	15.209.371
Difference between expenses and revenue.		833.640	1.015.962

CASH FLOW STATEMENT

(the direct method) 2011

Unit: VND

No	Items	This Year
	I - CASH FLOW FROM OPERATION ACTIVITIES	
1	- Loan	(37.668.459.918.367)
2	- loan collection	11.474.181.199.116
3	- Customers deposit	6.539.303.052.274
4	- Payment for customers deposit	(5.690.069.895.317)
5	- Term deposits in other institutions	(254.650.123.969.289)
6	- Withdrawal of term deposits	250.264.740.054.334
7	- Fee collection	6.035.616.840
8	- Loan interest collection	1.611.970.820.014
9	- Deposit interest collection	4.769.356.016.055
10	- Expenses for deposit interest, loan interest, bond coupon	(9.796.651.907.189)
11	- Trust fund reception for post investment subsidies and allocation	1.773.865.550.479
12	- Post investment subsidies payment and trust fund allocation disbursement.	(3.451.858.938.936)
13	- Trust fund for loans	103.717.272.961
14	- Trust fund for allocation	(139.068.125.764)
15	- Collection for trust funds	-
16	- Funds entrusted to other institutions	-
17	- Other receivables	347.629.271.389.855
17.1	- Reception of interest differences compensation and management Fees	2.695.000.000.000
17.2	- Other incomes from operating activities	284.172.991.833.559
17.3	- Other incomes from other receivables	60.761.279.556.296

18	- Other expenses	(310.872.039.078.119)
18.1	- Payment to suppliers	(6.238.943.222)
18.2	- Salary to employees	(105.485.908.528)
18.3	- (Other) Payables	(10.904.718.389.645)
18.4	- Other expenses for operating activities	(299.855.595.836.724)
19	- Fee collection from settlement services	5.391.631.629.591
20	- Fee payment from settlement services	(8.861.800.767.223)
21	- Capital re- allocated	(20.111.728.772.436)
	Net cash flow from operating activities	(21.677.728.771.121)
	II - CASH FLOW FROM INVESTMENT	
19	- Fixed asset sales	807.779.820
20	- Fix asset purchase	(67.596.083.268)
21	- Placement and capital contribution to other companies	-
22	- Collected placement and capital contribution to other companies	-
23	- Other Investment received	489.347.226
24	- Other Investment paid	(8.955.366.708)
	Net cash flow from investment operation	(75.254.322.930)
	III - CASH FLOW FROM FINANCIAL ACTIVITIES	
25	- Borrowings from other institutions	1.006.897.617.768
26	- Bonds and notes issuance	34.975.000.000.000
27	- Financial activities	-
28	- Loan payment collection	(2.789.344.189.530)
29	- Bond payment collection	(8.190.000.000.000)

30	- Other expenses in financial activities	(845.000.000.000)
	Net cash flow from financial activities	24.157.553.428.238
	Net cash flow in the period	2.404.570.334.187
	Exchange rate fluctuations	(514.182.092.797)
	Cash & Cash equivalent at the period's beginning (as per January 1st)	25.082.612.931.479
	Cash & Cash equivalent at the period's end (as per December 31st)	26.973.001.172.869

FINANCIAL NOTES

1. Cash

Unit: VND million

Item	2010	2011
Cash	3.993	8.332
Cash in hand	3.993	8.332

2. Deposits

Unit: VND million

Item	2010	2011
Cash deposit	25.078.620	32.046.617
At State bank of Vietnam	180.635	269.972
At credit institutions	24.897.985	31.776.645
+ Current deposit	2.671.309	2.765.912
+ Term deposit	22.226.676	29.010.732

3. Operating asset
Unit: VND million

Item	2010	2011
Operating asset	171.095.398	226.932.798
Export credit	16.079.355	16.226.757
Of which		
+ overdue	2.458.166	2.712.051
+ frozen debt	-	-
Long and medium term investment credit	86.502.574	97.851.622
Of which		
+ overdue	3.285.655	3.749.337
+ frozen debt	175.228	3.008.769
Credit to importers	0	0
Of which		
+ overdue	0	0
+ frozen debt	0	0
ODA On lending	61.221.297	102.643.869
Of which		
+ overdue	613.227	919.641
+ frozen debt		133.519
Others Credit	7.257.854	10.103.816
Of which		
+ overdue	545.005	162.555
+ frozen debt	0	0
Guarantee and Re-Guarantee	33.693	106.734
Debt to be solved	625	0

4. Receivables

Unit: VND million

Item	2010	2011
Receivables	7.068.137	10.809.820
Receivables from	1.114.724	2.606.709
+ management fees and interest difference to be paid by State budget.	1.013.855	1.993.642
+ other receivables	75.260	609.797
+ advances	25.609	3.270
Receivables from settlement activities including (receivables and payables to MOD, ODA funds not finalized	5.953.413	8.203.111

5. Fixed asset

Unit: VND million

Item	2010	2011
fixed asset	1.222.658	1.226.943
<i>Tangible fixed asset</i>	<i>309.520</i>	<i>183.937</i>
Principal	658.141	739.310
Accrued depreciation	(348.621)	(555.373)
<i>Leasing fixed asset</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Principal	0	0
Accrued depreciation	0	0
<i>Non tangible fixed asset</i>	<i>913.138</i>	<i>1.043.006</i>
Principal	925.116	1.058.686
Accrued depreciation	(11.978)	(15.680)

6. Other assets
Unit: VND million

Item	2010	2011
Other assets	2.806.278	3.683.612
+ financial investment	0	0
+ tools and materials	0	0
+ construction cost	234.834	260.777
+ advances	2.355	2.199
+ funds contributions, long term investments	2.544.510	3.393.880
+ others assets	24.579	26.756

7. Deposit in State treasury, credit institution, financial institution
Unit: VND million

Item	2010	2011
Deposit in State Treasury, credit institutions, financial institutions	372.278	342.021
In VND	372.278	342.021
In foreign currency	0	0

8. Customers' deposit
Unit: VND million

Item	2010	2011
Customers deposit	6.703.233	12.199.584
<i>Current and terms deposits</i>	<i>6.424.096</i>	<i>12.194.724</i>
+ domestic Customers' deposit in VND	6.418.107	7.445.877
+ domestic Customers' deposit in foreign currency	5.989	4.748.847
+ foreign Customers' deposit in foreign currency	0	0
Cautions (*)	279.137	4.860

9. Borrowing from State budget, financial institutions and credit institutions
Unit: VND million

Item	2010	2011
Borrowing from State budget, financial institutions and credit institutions	15.567.739	14.523.560
State budget	2.710.274	6.765.028
Domestic financial institutions and credit institutions	12.525.807	6.821.272
Foreign financial institutions and credit institutions	331.658	937.260

10. Trust funds

Unit: VND million

Item	2010	2011
Trust funds	63.726.896	107.387.599
On lending ODA	64.101.181	107.061.466
Foreign exchange difference of ODA funds	1.554.817	1.527.298
Trust fund for post investment subsidies	15.488	166.517
+ trusted fund	591.153	742.821
+ granted	(575.665)	(576.304)
Trust fund for allocation	(44.424)	(460.135)
+ trusted fund	23.901.154	22.900.414
+ granted	(23.945.578)	(23.360.549)
Trust fund for credit (*)	(1.900.166)	(907.547)
+ trusted fund	25.055.532	32.769.928
+ Credit disbursement.	(26.955.698)	(33.677.475)

11. Valuable papers

Unit: VND million

Item	2010	2011
Valuable papers	95.939.800	115.504.800
<i>Bonds and notes in VND</i>	<i>95,939,800</i>	<i>115.504.800</i>
Par value	95.939.800	115.504.800
Extra value	0	0
Discount	0	0
Bonds and notes in foreign currency	0	0
Par value	0	0
Extra value	0	0
Discount	0	0

12 Payable

Unit: VND million

Item	2010	2011
Payable or to be submitted	4.951.884	5.270.968
Payables	3.329.519	3.683.699
+ Payables for deposit interest, loans and bond	0	0
+ payable for fund and fee of trust funds	2.907.587	3.202.842
+ Payables to sellers	2.828	1.361
+ Payables to employees	157.028	202.527
+ Payables to the government including: payables for ODA funds but not due yet and other payables to Government)	4.407	4.925
+ Other payables	257.669	272.045
Payable in settlement activities	1.622.365	1.587.269

13. Other liabilities
Unit: VND million

Item	2010	2011
Other liabilities	1.363.605	3.552.825
+ To be settled	4.330	9.364
+ Provisions	1.196.304	3.217.919
+ Provision for unemployment	71.383	75.658
+ Others	91.588	249.884

14. VDB equity
Unit: VND million

Item	2010	2011
VDB equity	15.498.852	12.124.931
Chartered capital	10.457.016	10.291.211
Construction capital	25.257	23.245
Others	5.016.579	1.810.475

15. VDB funds
Unit: VND million

Item	2010	2011
VDB funds	1.193.556	2.052.574
Additional Chartered capital	6.375	455.187
Research and Development fund	1.187.181	1.597.387
Others	0	0

16. Undistributed retained earnings

Unit: VND million

Item	2010	2011
Undistributed retained earnings	1.957.241	1.749.260
Undistributed retained earnings of the last period	1.123.601	846.298
Undistributed retained earnings of this year	833.640	902.962

17. Interest revenue

Unit: VND million

Item	2010	2011
Interest revenue	6.411.582	7.358.385
Interest revenue of short term export credit	796.516	754.176
Interest revenue of medium and long term credit	4.390.271	4.997.349
+ long and medium investment credit		
+ long and medium export credit		
Interest revenue of special programs	220.017	164.543
Interest revenue of other lending program	1.004.778	1.442.317

18. Revenue from deposit interest

Unit: VND million

Item	2010	2011
Deposit interest revenue	2.273.626	4.919.364
Current deposit	64.605	70.684
Term deposit	2.209.021	4.848.680

19. Non- interest revenue
Unit: VND million

Item	2010	2011
Non- interest revenue	2.831.061	3.947.584
Interest difference and management fee (*)	2.251.172	3.670.794
Guarantee premium	4.746	2.098
Settlement fee	8.883	8.091
Treasury fee	2	6
Trust fund fee (**)	192.194	232.011
Other revenue	374.064	34.584

(*): Including export credit and investment credit management fee and management fee of trust fund from MOF

(**): Not including management fee from funds trusted by MOF

20. Interest expenses
Unit: VND million

Item	2010	2011
Interest expenses	1.511.229	1.441.832
Short term borrowing interest	41.598	89.649
Medium and long borrowing interest	1.469.631	1.352.183

21. Chi trả lãi tiền gửi
Unit: VND million

Item	2010	2011
Expenses for deposit.	602.258	653.202
Expenses for non-term mobilized funds	22.811	28.274
Expenses for non-term deposits	11.411	6.631
Expenses for with term mobilized fund	568.036	618.297
Expenses for with term mobilized fund		

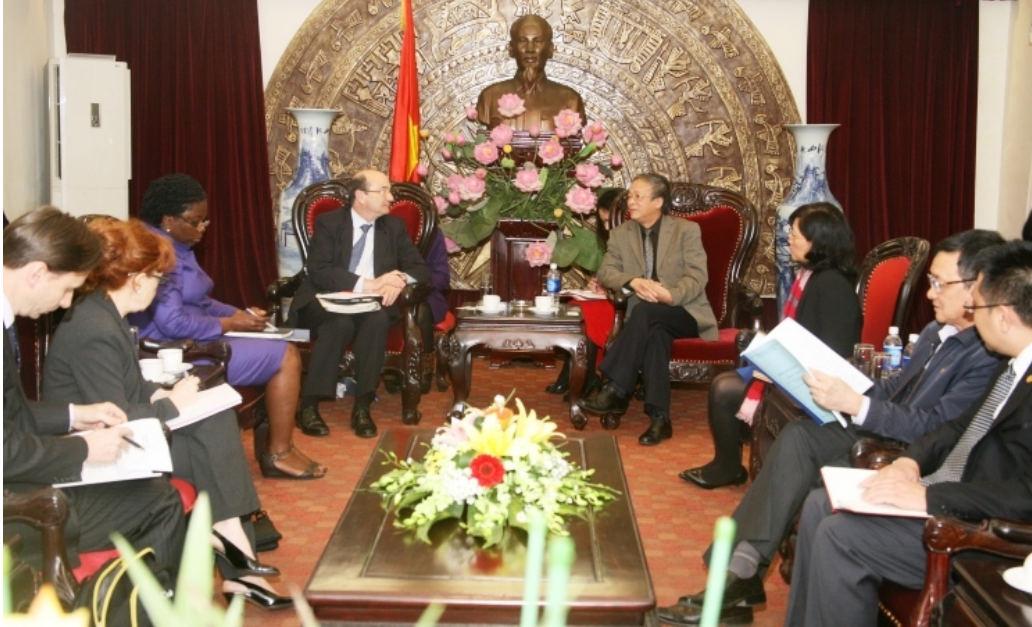
22. Interest expenses for valuable papers
Unit: VND million

Item	2010	2011
Interest expenses for valuable papers	6.984.046	10.141.168
Interest expenses for bonds	6.984.046	10.141.168

23. Non-interest expenses
Unit: VND million

Item	2010	2011
Non-interest expenses	1.585.096	2.973.168
Fund mobilization	72.246	71.315
Settlement and treasury expenses	3.222	2.502
Tax and fee	598	485
Others	281.228	1.169
Expenses for employee	464.247	560.486
Administration expenses	105.323	129.678
Fixed asset depreciation	65.372	227.510
Provisions	496.980	1.809.679
Others	95.881	170.339

Một số hình ảnh tiêu biểu.....



 | Annual Report **2011****BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011****Trụ sở chính:****Ngân hàng Phát triển Việt Nam**

25A Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: +84.043.736.5659 - 736.5671 / +84.043.736.5672

Head office of VDB:

25A Cat Linh Str., Dong Da Dist., Hanoi